

Số: **4582** /UBND-NNTN

Quảng Ngãi, ngày **02** tháng 8 năm 2018

V/v kế hoạch và dự toán
kinh phí sự nghiệp môi trường
năm 2019 tỉnh Quảng Ngãi

TỈNH CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI	
ĐẾN	Số: 7386
	Ngày: 02/8/2018
	Chuyển:

Kính gửi: Bộ Tài nguyên và Môi trường

Theo đề nghị của Bộ Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 1619/BTNMT-KHTC ngày 03/4/2018 về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch và dự toán kinh phí sự nghiệp môi trường năm 2019 của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, UBND tỉnh Quảng Ngãi báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2017-2018 và xây dựng kế hoạch bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh năm 2019 như sau:

Phần thứ nhất

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH VÀ DỰ TOÁN KINH PHÍ SỰ NGHIỆP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NĂM 2017 VÀ NĂM 2018

1. Đánh giá công tác chỉ đạo và tổ chức thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường của tỉnh năm 2017 và năm 2018

a) Đánh giá thực trạng công tác quản lý môi trường:

- Trong năm 2017 và 6 tháng đầu năm 2018, tỉnh Quảng Ngãi chỉ đạo kịp thời các ngành, các cấp tổ chức thực hiện Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản hướng dẫn thi hành pháp luật về bảo vệ môi trường; triển khai các kế hoạch hành động về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh, đồng thời ban hành, tổ chức thực hiện Quyết định số 116/QĐ-UBND ngày 02/02/2017 phê duyệt Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 565/KH-UBND ngày 07/02/2017 thực hiện Chỉ thị số 25/CT-TTg ngày 31/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 2807/QĐ-BTNMT ngày 06/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về một số nhiệm vụ, giải pháp cấp bách về bảo vệ môi trường; Quyết định số 18/2017/QĐ-UBND ngày 28/4/2017 quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định các loại báo cáo, đề án, phương án về môi trường trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Quyết định số 819/QĐ-UBND ngày 03/5/2017 công bố bộ thủ tục hành chính về lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền của Sở Tài nguyên và Môi trường; Quyết định số 191/QĐ-

STNMT ngày 18/4/2017 ủy quyền cho Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi thực hiện xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường, đề án bảo vệ môi trường đơn giản; Công văn số 5121/UBND-CNXD ngày 22/8/2017 về tăng cường công tác quản lý nước thải, chất thải công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Trong quá trình xây dựng, ban hành và triển khai các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, UBND tỉnh Quảng Ngãi luôn chú trọng việc lồng ghép với nhiệm vụ bảo vệ môi trường theo quan điểm phát triển bền vững, đồng bộ trên cả ba lĩnh vực: kinh tế, xã hội, môi trường, trong đó đặc biệt quan tâm đến các chỉ tiêu về môi trường. Trong các chương trình, kế hoạch hành động của tỉnh đều xác định rõ trách nhiệm và phân công, phân cấp hợp lý giữa các ngành, các cấp để làm tốt công tác quản lý về môi trường thuộc địa bàn và phạm vi quản lý.

- Công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức và trách nhiệm bảo vệ môi trường luôn được quan tâm chú trọng dưới nhiều hình thức. Quán triệt đến toàn thể đội ngũ cán bộ, công nhân và cộng đồng dân cư, doanh nghiệp nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học và nội dung các văn bản pháp luật về môi trường. Tổ chức các lớp đào tạo nghiệp vụ bảo vệ môi trường trong kinh doanh xăng dầu, khí dầu mỏ hóa lỏng cho các tổ chức, cá nhân có liên quan. Chỉ đạo các Sở, ngành, địa phương tổ chức các hoạt động hưởng ứng nhân các ngày Lễ về môi trường như: Ngày Quốc tế đa dạng sinh học, Ngày Môi trường Thế giới và tháng hành động vì môi trường, Chiến dịch làm cho thế giới sạch hơn, Ngày Đại dương Thế giới, Tuần lễ Biển và Hải đảo Việt Nam,..., đã huy động và thu hút hàng ngàn đại biểu tham dự, đồng thời kết hợp trao tặng Giải thưởng Môi trường lần IV - năm 2018 cho 03 tổ chức và 04 cá nhân đã có thành tích xuất sắc trong sự nghiệp bảo vệ môi trường. Chương trình truyền thông môi trường trên các phương tiện thông tin đại chúng tiếp tục được triển khai mạnh và hiệu quả như: mở chuyên đề "Môi trường và Cuộc sống" trên sóng Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh; hàng quý có bản tin về tài nguyên và môi trường do Sở Tài nguyên và Môi trường phát hành. Thời lượng thông tin về chuyên mục môi trường trên Đài truyền thanh huyện, thành phố tăng lên; các huyện miền núi sử dụng cả tiếng Kinh và tiếng người dân tộc thiểu số để tuyên truyền.

- Chỉ đạo triển khai tốt công tác phối hợp giữa Sở Tài nguyên và Môi trường với Công an tỉnh, Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội của tỉnh về bảo vệ môi trường trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

b) Tình hình triển khai các nhiệm vụ về bảo vệ môi trường theo chỉ đạo của Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ (*Chỉ thị số 25/CT-TTg ngày 31/8/2016, Nghị quyết số 08/NQ-CP ngày 23/01/2014, Quyết định số 58/QĐ-TTg ngày 29/4/2008 và Quyết định số 38/QĐ-TTg ngày 05/7/2011*)

b1) Phòng ngừa và kiểm soát các nguồn gây ô nhiễm môi trường, tác

động xấu đến môi trường

- Đối với công tác đánh giá tác động môi trường: UBND tỉnh đã chỉ đạo các Sở, ban ngành, địa phương, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh nghiêm túc thực hiện công tác đánh giá tác động môi trường, tiếp tục chấn chỉnh, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, đẩy mạnh hoạt động kiểm tra, xác nhận sau thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường thông qua việc tổ chức kiểm tra định kỳ công tác bảo vệ môi trường hàng năm; ban hành văn bản nhắc nhở các chủ dự án tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường; tổ chức họp các đơn vị tư vấn trên địa bàn tỉnh để chấn chỉnh công tác lập hồ sơ môi trường cũng như nâng cao năng lực tư vấn, nâng cao chất lượng báo cáo đánh giá tác động môi trường; ban hành văn bản chỉ đạo các sở, ngành liên quan, các đơn vị hoạt động khai thác khoáng sản chấn chỉnh công tác ký quỹ, cải tạo phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản. Hầu hết báo cáo đánh giá tác động môi trường của các dự án đầu tư được Hội đồng thẩm định xem xét, yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung các biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường, một số khác không được Hội đồng thẩm định đồng ý thông qua vì lý do không đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường. Trong năm 2017, Sở Tài nguyên và Môi trường đã tiếp nhận 150 hồ sơ thủ tục hành chính (TTHC). Tất cả các hồ sơ được giải quyết đúng hạn và sớm hạn. Trong 06 tháng đầu năm 2018 (tính đến ngày 31/5/2018), đã tiếp nhận 108 thủ tục hành chính trong lĩnh vực môi trường. Trong đó, đã tham mưu giải quyết 82 TTHC, đang giải quyết 26 hồ sơ TTHC. Tất cả các TTHC được giải quyết đúng hạn và sớm hạn, chỉ có 01 trường hợp trễ hạn do hoãn cuộc họp thẩm định vì lý do số thành viên Hội đồng thẩm định vắng quá 1/3.

- Đối với việc tăng cường năng lực quan trắc và thông tin về môi trường theo hướng phát triển mạnh hệ thống quan trắc tự động; thực hiện kiểm kê và xây dựng cơ sở dữ liệu về các nguồn thải: Hiện nay công tác quan trắc và thông tin về môi trường vẫn được quan tâm thực hiện. Cơ sở dữ liệu về các nguồn thải đã bước đầu được xây dựng. Tỉnh đã chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện các nhiệm vụ “Đầu tư hệ thống tiếp nhận, quản lý dữ liệu quan trắc môi trường tự động liên tục” và “Điều tra, khảo sát xây dựng Đề án Đầu tư Hệ thống quan trắc chất thải tự động liên tục giai đoạn 2017 - 2020 và định hướng 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi để tăng cường năng lực quan trắc và thông tin về môi trường theo hướng phát triển mạnh hệ thống quan trắc tự động, góp phần giám sát môi trường, giám sát một số nguồn thải trên địa bàn tỉnh. Hệ thống tiếp nhận, quản lý dữ liệu quan trắc môi trường tự động liên tục đã vận hành từ cuối năm 2017 và hiện đang được duy trì vận hành tại Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Đối với kế hoạch xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng; tăng cường kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm đối với các cơ sở gây ô nhiễm môi trường: Theo nội dung Quyết định số 64/2003/QĐ-TTg ngày 22/4/2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt "Kế hoạch xử lý

triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng"; theo đó, tỉnh Quảng Ngãi có 07 cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, bao gồm: Nhà máy Chế biến tinh bột mì Quảng Ngãi, Trung tâm Y tế huyện Bình Sơn, Trung tâm Y tế huyện Mộ Đức, Kênh nước thải Hào Thành, Bãi rác thành phố Quảng Ngãi, Bãi rác thị trấn Đức Phổ và Công ty Chế biến thực phẩm xuất khẩu Quảng Ngãi Vitex. Hiện nay đã có 04/07 đơn vị đã hoàn thành việc xử lý triệt để ô nhiễm môi trường, 03/07 đơn vị còn lại chưa được bố trí kinh phí xử lý là: Kênh nước thải Hào Thành, Bãi rác Nghĩa Kỳ và Bãi rác thị trấn Đức Phổ đã dùng chôn lấp rác tại 02 bãi rác này; đã xây dựng công hộp để hạn chế ảnh hưởng môi trường từ nước thải sinh hoạt đến khu dân cư (như tình trạng kênh hở trước đây). Công tác thanh, kiểm tra về bảo vệ môi trường của các doanh nghiệp nói chung, kể cả các đơn vị có tên trong Quyết định số 64/2003/QĐ-TTg ngày 22/4/2003 của Thủ tướng Chính phủ được thực hiện thường xuyên. Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Phòng Cảnh sát Phòng chống tội phạm về môi trường - Công an tỉnh, Cục Bảo vệ môi trường khu vực miền Trung Tây nguyên, Tổng cục Môi trường tiến hành nhiều đợt kiểm tra và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm.

- Đối với việc tăng cường quản lý chất thải nguy hại:

UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức hướng dẫn các cơ sở sản xuất kinh doanh có phát sinh chất thải nguy hại trên địa bàn lập hồ sơ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại. Công tác thông báo, trao đổi thông tin với các tổ chức, cá nhân đăng ký chủ nguồn thải được thực hiện thông qua hệ thống thông tin điện thoại, email,..., nhằm rút ngắn thời gian, giảm thiểu việc sử dụng văn bản và tạo điều kiện thuận lợi hơn cho các tổ chức, cá nhân khi đăng ký. Thường xuyên tổ chức kiểm tra, thanh tra, đồng thời ban hành các văn bản hướng dẫn và yêu cầu các cơ sở sản xuất kinh doanh có phát sinh chất thải nguy hại phải thực hiện công tác quản lý chất thải nguy hại theo quy định. Đồng thời lồng ghép việc thanh tra, kiểm tra công tác quản lý chất thải nguy hại tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh vào trong nhiệm vụ thanh, kiểm tra hàng năm của Sở Tài nguyên và Môi trường. Trong năm 2017 và 6 tháng đầu năm 2018, Sở Tài nguyên và Môi trường đã cấp sổ chủ nguồn thải chất thải nguy hại cho 13 doanh nghiệp theo đúng quy định; theo dõi, giám sát công tác quản lý chất thải nguy hại tại các cơ sở phát sinh chất thải nguy hại đã cấp phép.

b2) Khắc phục ô nhiễm, cải thiện chất lượng môi trường và điều kiện sống của người dân:

- UBND tỉnh đã chỉ đạo các đơn vị có liên quan quan tâm cải thiện chất lượng môi trường sống, cung cấp nước sạch và dịch vụ vệ sinh môi trường cho người dân, đặc biệt là ở các đô thị, khu, cụm công nghiệp, làng nghề, khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa, huyện đảo Lý Sơn, vùng đặc biệt khó khăn khan hiếm nước ngầm. Đồng thời, tập trung xử lý các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, chú trọng cải tạo những hồ, ao, kênh, mương, đoạn sông, suối bị ô nhiễm. Chỉ đạo thực hiện nghiêm các biện pháp phục hồi môi

trường sau khai thác khoáng sản. Đẩy nhanh tiến độ rà phá và khắc phục hậu quả bom mìn, cải tạo các vùng đất bị nhiễm chất độc dioxin, hoàn trả quỹ đất sạch phát triển kinh tế - xã hội, cải thiện môi trường đầu tư, bảo đảm an toàn cho nhân dân. Chú trọng cải thiện chất lượng không khí, cây xanh, không gian vui chơi, giải trí trong các đô thị, khu dân cư.

- UBND tỉnh đã giao Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện hoàn thành việc xử lý ô nhiễm môi trường tại kho thuốc bảo vệ thực vật Hòa Vinh (thành phố Quảng Ngãi) trong năm 2016. Năm 2017 đã hoàn thành xử lý ô nhiễm môi trường tại 02 kho Quyết Thắng (huyện Tư Nghĩa) và Phổ Cường (huyện Đức Phổ). Năm 2018 đang tiếp tục xử lý ô nhiễm môi trường tại 02 kho Núi Voi (huyện Tư Nghĩa) và Phổ Minh (huyện Đức Phổ).

2. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ, dự án bảo vệ môi trường và sử dụng kinh phí sự nghiệp môi trường năm 2017 và năm 2018:

a) Tình hình thực hiện các chỉ tiêu về môi trường: *Chi tiết tại Phụ lục 1 kèm theo.*

b) Tình hình thực hiện kế hoạch và dự toán bảo vệ môi trường năm 2017 và năm 2018: *Chi tiết tại Phụ lục 2 kèm theo.*

Nhìn chung, kinh phí sự nghiệp môi trường được sử dụng đúng mục đích, đối tượng và đảm bảo nội dung công việc, chế độ, chính sách theo quy định. Dự toán được giao ngay đầu năm tạo điều kiện thuận lợi cho các ngành, các cấp chủ động sử dụng kinh phí sự nghiệp môi trường.

c) Dự kiến mức độ hoàn thành kế hoạch năm 2018: Đến hết năm 2018, dự kiến các Sở, ngành, UBND các huyện, thành phố, đoàn thể chính trị - xã hội ở tỉnh đạt 100% kế hoạch được giao từ đầu năm.

d) Đánh giá những thuận lợi, khó khăn, vướng mắc trong việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ bảo vệ môi trường:

d1) Thuận lợi: Công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh thời gian qua có nhiều chuyển biến tích cực cả về nhận thức lẫn hành động và thu được những kết quả đáng khích lệ. Kết quả có được như trên là do:

- Sự quan tâm của các cấp ủy Đảng và chính quyền tỉnh đối với sự nghiệp bảo vệ môi trường. Dự toán kinh phí được giao đầu năm tạo điều kiện thuận lợi cho các ngành, các cấp chủ động sử dụng kinh phí sự nghiệp môi trường.

- Sự phối hợp chặt chẽ giữa các Sở, ngành, địa phương và Công an tỉnh trong lĩnh vực bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh.

- Nhận thức của cộng đồng về bảo vệ môi trường đã có nhiều chuyển biến tích cực. Các phòng trào như “Toàn dân tham gia bảo vệ môi trường”, các mô hình như “Ngõ phố văn minh - an toàn - sạch đẹp”... ngày càng được quần chúng tham gia nhiệt tình, tích cực và đang được nhân rộng.

d2) Khó khăn, vướng mắc:

- Công tác tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng được quan tâm nhưng chưa thường xuyên, sâu rộng, chưa tác động mạnh và rộng rãi đến đông đảo các đối tượng. Cấp uỷ, chính quyền địa phương nhiều nơi ít quan tâm chỉ đạo công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường. Một số cơ quan, đơn vị chưa thật sự quan tâm, phối hợp trong việc thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường làm ảnh hưởng đến nhiệm vụ quản lý nhà nước thuộc lĩnh vực này. Nhận thức và hành động về bảo vệ môi trường chưa đồng bộ, nhận thức của cộng đồng về bảo vệ môi trường thời gian qua tuy đã được nâng lên nhưng chưa thật sự tạo được chuyển biến thành hành vi, thói quen, văn hoá ứng xử thân thiện với môi trường. Việc tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường của các doanh nghiệp chưa cao, còn nhiều doanh nghiệp chưa xử lý chất thải đạt quy chuẩn môi trường. Đối tượng vi phạm có nhiều thủ đoạn hoạt động tinh vi, lợi dụng điều kiện địa hình, thời tiết và sơ hở trong công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường.

- Công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường đã được tăng cường nhưng vẫn còn một số bất cập, đó là: khả năng cảnh báo, dự báo diễn biến chất lượng môi trường còn hạn chế; việc di dời và xử lý các cơ sở gây ô nhiễm môi trường còn kéo dài; hệ thống quản lý chất thải rắn kiện toàn chậm và chưa đáp ứng tốt yêu cầu phát triển của kinh tế xã hội.

- Công tác khai thác nguồn thu trong lĩnh vực môi trường chưa tương xứng với tiềm năng, việc huy động các nguồn vốn đầu tư xây dựng hạ tầng cơ sở kỹ thuật về cấp thoát nước, xử lý chất thải đã được đẩy mạnh nhưng chưa theo kịp tốc độ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Đầu tư từ ngân sách nhà nước cho bảo vệ môi trường tuy có tăng nhưng vẫn còn quá ít so với yêu cầu thực tế, dẫn đến phân tán, dàn trải, hiệu quả chưa cao.

- Lực lượng cán bộ làm công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường ở cấp tỉnh, cấp huyện, xã còn quá mỏng, chưa có cán bộ quản lý môi trường chuyên trách ở cấp xã, trong khi nhiều vấn đề môi trường lại xảy ra hàng ngày tại cơ sở.

- Đội ngũ thực hiện chức năng quản lý nhà nước về bảo tồn đa dạng sinh học còn thiếu và yếu về chuyên môn, năng lực, đa phần là cán bộ kiêm nhiệm, không được đào tạo chuyên môn trong lĩnh vực này.

3. Kiến nghị và đề xuất

Để nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác bảo vệ môi trường ở địa phương nói riêng và cả nước nói chung, tỉnh Quảng Ngãi đề xuất, kiến nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường một số nội dung chủ yếu sau:

- Quan tâm hỗ trợ kinh phí nhằm xử lý các khu vực và các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

- Kiện toàn lại tổ chức quản lý môi trường cấp tỉnh, cấp huyện, xã.
- Hoàn thiện cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý tài nguyên và môi trường từ Trung ương đến địa phương theo hướng tập trung quản lý, phân cấp cho địa phương và phân công trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị tham gia quản lý rõ ràng, cụ thể để tránh sự chồng chéo hoặc đùn đẩy trách nhiệm.
- Xem xét xây dựng định mức biên chế trong lĩnh vực môi trường theo diễn biến phát triển kinh tế xã hội của đất nước, yêu cầu thực tiễn trong quản lý tại địa phương và trình Chính phủ phê duyệt để địa phương có cơ sở bố trí biên chế nhằm đảm bảo nguồn nhân lực thực hiện các nhiệm vụ được giao.
- Cần ban hành và cụ thể hóa các chính sách nhằm khuyến khích, thu hút đầu tư vào cụm công nghiệp; ban hành các chính sách nhằm khuyến khích, thu hút, động viên sự tham gia của cộng đồng vào công tác bảo vệ môi trường.
- Xây dựng và ban hành các cơ chế, chính sách nhằm thu hút đầu tư và khuyến khích các doanh nghiệp thực hiện các giải pháp ngăn ngừa, giảm thiểu ô nhiễm như miễn giảm thuế, cho vay ưu đãi, hỗ trợ tài chính đối với các doanh nghiệp thực hiện các giải pháp sản xuất sạch hơn, thực hiện quản lý môi trường theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 14000, tái chế, tái sử dụng chất thải, xử lý ô nhiễm,...
- Tăng cường đào tạo, tập huấn, nâng cao kiến thức và kỹ năng quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường; xây dựng các tài liệu, ấn phẩm tuyên truyền, đặc biệt đối với lĩnh vực bảo tồn đa dạng sinh học. Các cấp, ngành ưu tiên đẩy mạnh công tác truyền thông về bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học.
- Đề nghị Bộ Công an cấp kinh phí sự nghiệp môi trường phục vụ cho công tác xây dựng hệ thống xử lý nước thải tại các bếp ăn tập thể, trại tạm giam và các cơ sở giam giữ của Công an tỉnh.

Phần thứ hai

KẾ HOẠCH VÀ DỰ TOÁN KINH PHÍ SỰ NGHIỆP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NĂM 2019

1. Hỗ trợ xử lý các điểm ô nhiễm môi trường bức xúc ở địa phương

- Hỗ trợ xử lý các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng trên địa bàn tỉnh. Hỗ trợ các địa phương đầu tư xây dựng các bãi chôn lấp chất thải rắn hợp vệ sinh cũng như công tác thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn...
- Xử lý ô nhiễm môi trường các làng nghề, các điểm phát sinh dịch bệnh; khắc phục một số điểm nóng về môi trường do tồn dư của thuốc bảo vệ thực vật và chất độc da cam/dioxin.

- Giải quyết tình trạng ô nhiễm, suy thoái môi trường trong khu, cụm công nghiệp, khu dân cư tập trung bị ảnh hưởng do hoạt động sản xuất công nghiệp, khai thác, chế biến khoáng sản và ảnh hưởng của quá trình đô thị hóa.

- Giải quyết sự có mặt một số điểm gây ô nhiễm môi trường bức xúc khác ở địa phương.

2. Phòng ngừa, kiểm soát ô nhiễm môi trường

- Kịp thời đề xuất sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật phù hợp với tình hình thực tế. Xây dựng cơ chế thực hiện, các mô hình quản lý bảo vệ môi trường ở địa phương.

- Xây dựng và thực hiện chương trình quan trắc của địa phương, xây dựng báo cáo chuyên đề về môi trường và tổng hợp số liệu về môi trường hàng năm.

- Kiểm soát chặt chẽ việc sản xuất, nhập khẩu và sử dụng hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật, phân bón hóa học dùng trong nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản.

- Kiểm soát chặt chẽ việc nhập khẩu phế liệu, máy móc, thiết bị đã qua sử dụng gây nguy hại cho môi trường. Phối hợp với Tổng cục Môi trường giám sát tình hình nhập khẩu phế liệu của các cơ sở hoạt động trên địa bàn tỉnh, đồng thời chủ động tổ chức kiểm tra, xử lý khi có phản ánh kiến nghị của nhân dân.

- Thẩm định và phê duyệt theo thẩm quyền báo cáo đánh giá tác động môi trường, bản cam kết bảo vệ môi trường các dự án đầu tư theo Luật định; lồng ghép các nội dung bảo vệ môi trường vào chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường, bao gồm cả kiểm tra, thanh tra việc thực hiện các nội dung trong các loại hồ sơ môi trường đã được phê duyệt, xác nhận, đăng ký,...

3. Quản lý chất thải

- Triển khai thực hiện Quyết định số 2149/QĐ-TTg ngày 17/12/2009 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2050.

- Kiểm soát chất thải từ hoạt động công nghiệp, xây dựng hoàn chỉnh hệ thống xử lý nước thải tập trung cho Khu Công nghiệp Tịnh Phong, Khu Kinh tế Dung Quất và tại các Cụm công nghiệp - tiêu thụ công nghiệp, làng nghề.

- Hỗ trợ hoạt động phân loại, thu gom, vận chuyển, xử lý giảm thiểu, tái sử dụng, chôn lấp chất thải thông thường và chất thải nguy hại quy mô cấp tỉnh, huyện, xã hoặc mô hình thí điểm của địa phương; vận hành hoạt động các bãi chôn lấp chất thải hợp vệ sinh, hỗ trợ các phương tiện thu gom, vận chuyển chất thải. Đầu tư, nâng cấp và xây dựng mới các bãi chôn lấp chất thải rắn hợp vệ sinh.

- Kiểm soát chất thải từ hoạt động y tế: kiểm soát nước thải, đầu tư nâng cấp, cải tạo và xây dựng trạm xử lý nước thải; xây dựng lò đốt chất thải rắn y tế cho các bệnh viện, các trung tâm y tế trên địa bàn tỉnh.

- Tái chế, tái sử dụng chất thải, tiết kiệm và nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên thiên nhiên.

4. Bảo tồn đa dạng sinh học

- Nâng cao năng lực quản lý và thực thi Luật Đa dạng sinh học đến các cấp, các ngành trên địa bàn tỉnh.

- Phòng ngừa, ngăn chặn sự xâm nhập của sinh vật ngoại lai, sinh vật biến đổi gen gây ảnh hưởng xấu đến môi trường.

- Triển khai thực hiện Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030 đã được tỉnh phê duyệt.

5. Tăng cường năng lực quản lý môi trường

- Tiếp tục duy trì vận hành hệ thống tiếp nhận, quản lý dữ liệu quan trắc môi trường tự động liên tục.

- Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về môi trường; tổ chức đào tạo, tập huấn, nâng cao kiến thức cho cán bộ làm công tác bảo vệ môi trường các cấp; mở các chuyên mục về bảo vệ môi trường trên Đài Phát thanh Truyền hình tỉnh, trên Đài Truyền thanh các huyện, thành phố; hỗ trợ xuất bản tập san về tài nguyên và môi trường. Tổ chức tham quan học tập kinh nghiệm về BVMT ở tỉnh bạn; đối thoại, chia sẻ, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường...

- Chỉ đạo triển khai thực hiện các chương trình phối hợp giữa Sở Tài nguyên và Môi trường với Công an tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Hội Nông dân tỉnh, Tỉnh Đoàn,...

- Xây dựng và triển khai các mô hình bảo vệ môi trường và mô hình tự quản tiên tiến ở địa phương.

- Bảo đảm hoạt động của hệ thống quan trắc môi trường theo Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 12/01/2016 của Thủ tướng Chính phủ. Xây dựng và thực hiện các chương trình quan trắc hiện trạng môi trường, các tác động đối với môi trường của địa phương.

- Hỗ trợ thực hiện các dự án, nhiệm vụ hợp tác quốc tế về bảo vệ môi trường.

6. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo vệ môi trường:

Đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục, vận động nhân dân thực hiện nếp sống văn hóa thân thiện với môi trường, tự giác chấp hành các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

7. Triển khai thực hiện Chỉ thị số 25/CT-TTg ngày 31/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ:

- Tiếp tục thực hiện Kế hoạch số 565/KH-UBND ngày 07/02/2017 của UBND tỉnh về thực hiện Chỉ thị số 25/CT-TTg ngày 31/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 2807/QĐ-BTNMT ngày 06/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về một số nhiệm vụ, giải pháp cấp bách về bảo vệ môi trường.

- Rà soát các dự án đã được phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, xác định các dự án cần ưu tiên quản lý, giám sát, kiểm tra chặt chẽ trong quá trình vận hành thử nghiệm.

- Tổ chức điều tra, đánh giá, lập danh sách, giám sát các lĩnh vực công nghiệp, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề, các loại hình, các cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ, địa bàn nhạy cảm có khả năng xảy ra sự cố môi trường để phân loại theo các mức độ ô nhiễm, rủi ro đối với môi trường. Xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát phù hợp đối với từng nhóm đối tượng được phân chia theo danh mục mức độ ô nhiễm.

- Thực hiện chế độ kiểm tra, giám sát đặc biệt đối với các dự án, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề, cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ lớn, tiềm ẩn nguy cơ cao gây ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường trên diện rộng.

- Rà soát quy hoạch, nhu cầu xử lý, chôn lấp, năng lực đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường của các cơ sở xử lý, chôn lấp chất thải trên địa bàn tỉnh. Bổ sung, điều chỉnh quy hoạch và có kế hoạch cụ thể xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo, đóng cửa các cơ sở xử lý, bãi chôn lấp chất thải không đạt yêu cầu. Phối hợp với các địa phương điều phối, liên kết giữa các cơ sở, bãi chôn lấp trong vùng hoặc trên cả nước để xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp và chất thải nguy hại tồn đọng.

*(Chi tiết các nhiệm vụ, dự án bảo vệ môi trường năm 2019
tại Phụ lục 3 kèm theo)*

Kính đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư;
- VPUB: CVP, PCVP(NL), KT, TH, CNXD, CB-TH;
- Lưu: VT, NN-TN(tnh599).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tăng Bính



Phụ lục 1:

PHỤ LỤC KẾT QUẢ VÀ DỰ KIẾN THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG

(theo Công văn số 4582 /UBND-NNTN ngày 02/8/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2017	Ước thực hiện năm 2018	Kế hoạch năm 2019	Ghi chú
1	Tỷ lệ che phủ rừng	%	51,29	51,70	51,90	
2	Tỷ lệ dân cư được sử dụng nước sạch ở nông thôn	%	47,00	48,00	49,00	
3	Tỷ lệ dân cư được sử dụng nước sạch ở đô thị	%				
4	Tỷ lệ KCN, KCX đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	%	66	66	66	
5	Tỷ lệ các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý	%	43	43	53	Năm 2017 có 3/7 đơn vị đã hoàn thành xử lý ô nhiễm triệt để, kế hoạch 2019 tăng 1 đơn vị
6	Tỷ lệ chất thải rắn ở đô thị được thu gom	%	75	82	85	
7	Tỷ lệ chất thải y tế được xử lý (rắn, lỏng)	%	80	82	85	
8	Tỷ lệ khu đô thị có hệ thống xử lý nước thải, chất thải đạt tiêu chuẩn quy định	%	-	-	-	Chưa thống kê số lượng khu đô thị trên địa bàn tỉnh. Hiện nay chỉ có 01 Khu dân cư và chuyên gia đô thị Vạn Tường tại KKT Dung Quất được đầu tư xử lý nước thải
9	Kinh phí chi sự nghiệp môi trường	Tỷ đồng	120,34	172,979	287,998	



Phụ lục 2:

QUẢN THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NĂM 2017 VÀ 2018

Kèm theo Công văn số 4582 /UBND-NNTN ngày 02/8/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí (đồng)	Kinh phí năm 2017 (đồng)	Kinh phí năm 2018 (đồng)	Đơn vị thực hiện; lưu giữ sản phẩm	Tiến độ giải ngân (%)	Các kết quả chính đã đạt được	Ghi chú
Số tiền nguồn kinh phí			39.465,00	16.551,00	22.914,00				
A	Nhiệm vụ chuyên môn								
1	Nhiệm vụ chuyên tiếp								
2	Nhiệm vụ mở mới								
2.1	Nhiệm vụ năm 2018								
1	Xử lý kho thuốc BVTV Núi Voi (Tư Nghĩa)	2018	32.209,00		32.209,00	Chi cục Bảo vệ môi trường		Đang thực hiện	
2	Xử lý kho thuốc bảo vệ thực vật Phố Minh	2018	1.845,00		1.845,00	Chi cục Bảo vệ môi trường		Đang thực hiện	
3	Xây lắp và vận hành trạm quan trắc tự động, liên tục chất lượng nước sông Trà Bồng	2018	4.370,00		4.370,00	Chi cục Bảo vệ môi trường		Đang thực hiện	
4	Duy trì nhiệm vụ đầu tư hệ thống tiếp nhận, quản lý dữ liệu quan trắc môi trường tự động, liên tục	2018	150,00		150,00	Chi cục Bảo vệ môi trường		Đang thực hiện	
2.2	Nhiệm vụ năm 2017								
1	Xử lý ô nhiễm hóa chất bảo vệ thực vật tồn lưu tại kho thuốc bảo vệ thực vật Hợp tác xã nông nghiệp Quyết Thắng	2017	7.921,00	7.921,00		Chi cục Bảo vệ môi trường		Khắc phục vùng ô nhiễm hóa chất BVTV	

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí (đồng)	Kinh phí năm 2017 (đồng)	Kinh phí năm 2018 (đồng)	Đơn vị thực hiện; lưu giữ sản phẩm	Tiến độ giải ngân (%)	Các kết quả chính đã đạt được	Ghi chú
2	Xử lý ô nhiễm hóa chất bảo vệ thực vật tồn lưu tại Kho thuốc BVTV Hợp tác xã nông nghiệp Phố Cường	2017	6.942,00	6.942,00		Chi cục Bảo vệ môi trường		Khắc phục vùng ô nhiễm hóa chất BVTV	
3	Đầu tư hệ thống tiếp nhận, quản lý dữ liệu quan trắc môi trường tự động liên tục	2017	734,00	734,00		Chi cục Bảo vệ môi trường		Tiếp nhận, lưu trữ và truy xuất dữ liệu quan trắc môi trường	
4	Điều tra, khảo sát xây dựng Đề án Đầu tư Hệ thống quan trắc chất thải tự động liên tục giai đoạn 2017 - 2020 và định hướng 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi	2017	271,00	271,00		Chi cục Bảo vệ môi trường		Báo cáo kết quả điều tra	
5	Báo cáo công tác bảo vệ môi trường tỉnh Quảng Ngãi năm 2017	2017	175,00	175,00		Chi cục Bảo vệ môi trường		Báo cáo kết quả điều tra	
6	Khảo sát, đánh giá hiện trạng và dự báo chất thải rắn công nghiệp nguy hại phát sinh trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi và đề xuất các biện pháp quản lý	2017	349,00	349,00		Chi cục Bảo vệ môi trường		Báo cáo kết quả điều tra	
B Nhiệm vụ thường xuyên									
1	Sự cố môi trường	2018	130,00		130,00	Chi cục Bảo vệ môi trường			
2	Báo cáo công tác bảo vệ môi trường tỉnh Quảng Ngãi năm 2018		355,00	175,00	180,00	Chi cục Bảo vệ môi trường		Đang thực hiện. Dự kiến kết quả đạt được là báo cáo số liệu điều tra	
3	Kiểm tra, kiểm soát MT các nhà máy, các cơ sở SXKD gây ô nhiễm; Hậu kiểm các dự án sau khi được phê duyệt ĐTM, Kế hoạch BVMT.	2018	305,00	105,00	200,00	Chi cục Bảo vệ môi trường	60	Đánh giá việc chấp hành các quy định về BVMT của các cơ sở SXKD	

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí (đồng)	Kinh phí năm 2017 (đồng)	Kinh phí năm 2018 (đồng)	Đơn vị thực hiện; lưu giữ sản phẩm	Tiến độ giải ngân (%)	Các kết quả chính đã đạt được	Ghi chú
4	Tổ chức Ngày hội môi trường tỉnh Quảng Ngãi, trao Giải thưởng môi trường tỉnh Quảng Ngãi 2018	2018	257,31			Chi cục Bảo vệ môi trường			
5	Tập huấn hướng dẫn xây dựng mô hình quản lý môi trường dựa vào cộng đồng cho huyện đảo Lý Sơn	2018	65,41			Chi cục Bảo vệ môi trường			
6	Tập huấn nâng cao năng lực nghiệp vụ cho cán bộ quản lý, cán bộ thực hiện công tác bảo tồn đa dạng sinh học cấp xã của 6 huyện miền núi	2018	87,79			Chi cục Bảo vệ môi trường			
7	Hướng dẫn thực hiện tiêu chí môi trường cho các xã có kế hoạch về đích đạt chuẩn nông thôn mới năm 2018	2018	62,77			Chi cục Bảo vệ môi trường			
8	Xây dựng bộ tài liệu cơ bản về công tác bảo tồn đa dạng sinh học cho các địa phương, trong đó phân bổ số lượng lớn ưu tiên cho các huyện miền núi)	2018	119,45			Chi cục Bảo vệ môi trường			
9	Treo băng rôn hướng ứng chiến dịch Làm cho thế giới sạch hơn	2018	3,6			Chi cục Bảo vệ môi trường			
10	Phát hành Bản tin tài nguyên và môi trường	Hàng năm	245,00	105,00	140,00	Trung tâm Công nghệ thông tin	100	Thực hiện việc tuyên truyền, phổ biến, giáo dục chủ trương đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về bảo vệ tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh	

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí (đồng)	Kinh phí năm 2017 (đồng)	Kinh phí năm 2018 (đồng)	Đơn vị thực hiện; lưu giữ sản phẩm	Tiến độ giải ngân (%)	Các kết quả chính đã đạt được	Ghi chú
11	Quan trắc môi trường trên địa bàn Tỉnh Quảng Ngãi	2017, 2018	3.304,00	1.558,00	1.746,00	Trung tâm Trắc địa và Quan trắc Môi trường Văn phòng Sở	100	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện nhiệm vụ quan trắc về chất lượng môi trường nước, không khí, đất và hoàn thiện báo cáo kết quả quan trắc môi trường trên địa bàn tỉnh (3 đợt/năm); '- Đánh giá được hiện trạng và diễn biến chất lượng môi trường nước, không khí, đất theo thời gian cũng như sự thay đổi chất lượng môi trường tại thời điểm tiến hành quan trắc '- Đánh giá được chất lượng môi trường tại khu vực quan trắc '- Báo cáo đề xuất, theo dõi và tham mưu các vị trí quan trắc có thông số cao hơn quy chuẩn cho phép để cơ quan chức năng và cơ quan quản lý có biện pháp khắc phục, xử lý 	

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí (đồng)	Kinh phí năm 2017 (đồng)	Kinh phí năm 2018 (đồng)	Đơn vị thực hiện; lưu giữ sản phẩm	Tiến độ giải ngân (%)	Các kết quả chính đã đạt được	Ghi chú
12	Các nhiệm vụ thực hiện KH ứng phó sự cố tràn dầu trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016-2020	2017-2020	1537,95	224,00	140,00	Chi cục Biển và Hải đảo		Trong 2017, đã tổ chức Hội nghị tập huấn ứng phó sự cố tràn dầu và tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn tỉnh; diễn tập ứng phó sự cố tràn dầu. Trong 2018, đang tổ chức lựa chọn nhà thầu thực hiện nhiệm vụ Tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng và đã tạo nguồn nhân lực phục vụ công tác ứng phó sự cố tràn dầu	
13	Xây dựng chương trình quan trắc môi trường tổng hợp đối bờ tỉnh Quảng Ngãi	2017	160,00			Chi cục Biển và Hải đảo	100	Đã xây dựng chương trình quan trắc môi trường tổng hợp đối bờ tỉnh Quảng Ngãi	
1. Sĩ Quan Cảnh Sát (Phân đội Cảnh Sát) (Số Sĩ Quan Cảnh Sát) (Số Sĩ Quan Cảnh Sát) (Số Sĩ Quan Cảnh Sát) (Số Sĩ Quan Cảnh Sát) (Số Sĩ Quan Cảnh Sát) (Số Sĩ Quan Cảnh Sát) (Số Sĩ Quan Cảnh Sát) (Số Sĩ Quan Cảnh Sát) (Số Sĩ Quan Cảnh Sát)									
	Phân loại, thu gom, vận chuyển, lưu giữ chất thải rắn y tế; Thu gom và xử lý nước thải; Quan trắc môi trường định kỳ; Đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực quản lý chất thải y tế; Giám sát môi trường; Giám sát chất lượng nước thải; Lập đề án chi tiết bảo vệ môi trường độc hại do chất thải gây ra và lập hồ sơ chi tiết xả thải vào nguồn nước....	02 năm 2017-2018	14.430,00		14.430,00	Các cơ sở y tế khám, chữa bệnh công lập	100	Môi trường các cơ sở khám, chữa bệnh xanh – sạch – đẹp; nước thải ra môi trường đảm bảo tiêu chuẩn; ý thức của cán bộ, nhân viên y tế về bảo vệ môi trường được nâng cao....	Năm 2017, 2018 ngành y tế chưa được giao dự toán kinh phí SNMT

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí (đồng)	Kinh phí năm 2017 (đồng)	Kinh phí năm 2018 (đồng)	Đơn vị thực hiện; lưu giữ sản phẩm	Tiến độ giải ngân (%)	Các kết quả chính đã đạt được	Ghi chú
5	BQLKKT Dung Quat và các KCN tỉnh		30.112,13	12.680,13	17.432,00				
A Nhiệm vụ chuyên môn									
1	Điều tra, đánh giá sức chịu tải sông Trà Bồng phục vụ phát triển KKT Dung Quat	Năm 2017	718,25	718,25		BQLKKT Dung Quat và các KCN tỉnh	99,76		Theo Quyết định 2347/QĐ-UBND ngày 28/12/2015
2	Điều tra, khảo sát, thu thập dữ liệu chất thải rắn trên địa bàn KKT Dung Quat	Năm 2017	150,55	150,55		BQLKKT Dung Quat và các KCN tỉnh	86,03		
3	Đầu tư nâng cao năng lực quan trắc, giám sát môi trường	Từ năm 2017	1.505,48	850,48	655,00	BQLKKT Dung Quat và các KCN tỉnh	100		
4	Đánh giá hiện trạng xả thải và đề xuất các biện pháp quản lý các nguồn thải trên địa bàn KKT Dung Quat và các KCN Quảng Ngãi	Năm 2018	698,00		698,00	BQLKKT Dung Quat và các KCN tỉnh	100		
5	Quy hoạch bãi thải trên địa bàn KKT Dung Quat	Năm 2018-2019	602,00		602,00	BQLKKT Dung Quat và các KCN tỉnh	100		Quyết định số 99/QĐ-UBND ngày 11/1/2018
B Nhiệm vụ thường xuyên									
1	Thực hiện Quan trắc và kiểm soát ô nhiễm môi trường KKT Dung Quat và các KCN Quảng Ngãi	Theo từng năm	1.746,00	873,00	873,00	BQLKKT Dung Quat và các KCN tỉnh	100		

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí (đồng)	Kinh phí năm 2017 (đồng)	Kinh phí năm 2018 (đồng)	Đơn vị thực hiện; lưu giữ sản phẩm	Tiến độ giải ngân (%)	Các kết quả chính đã đạt được	Ghi chú
2	Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn (rác thải sinh hoạt) trên địa bàn Khu kinh tế Dung Quất.	Theo từng năm	11.830,39	6.052,39	5.778,00	BQLKKT Dung Quất và các KCN tỉnh	100		Công văn số 3663/UBND-CN XD ngày 20/6/2017 của UBND tỉnh
3	Vận hành các trạm xử lý nước thải, thu gom CTR Đô thị Vạn Tường	Theo từng năm	2.445,00	1.572,00	873,00	BQLKKT Dung Quất và các KCN tỉnh	100		
4	Thực hiện các nhiệm vụ quản lý, giám sát bảo vệ môi trường ở KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi	Theo từng năm	1.715,46	842,46	873,00	BQLKKT Dung Quất và các KCN tỉnh	100		
5	Hỗ trợ kinh phí vệ sinh môi trường cho dân do không thu được phí vệ sinh từ các hộ dân trong 03 năm 2014-2016	Năm 2018	2.741,00		2.741,00	BQLKKT Dung Quất và các KCN tỉnh	100		Công văn số 3681/UBND-CN XD ngày 20/6/2017 của UBND tỉnh
C	Hỗ trợ xử lý ô nhiễm môi trường								

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí (đồng)	Kinh phí năm 2017 (đồng)	Kinh phí năm 2018 (đồng)	Đơn vị thực hiện; lưu giữ sản phẩm	Tiến độ giải ngân (%)	Các kết quả chính đã đạt được	Ghi chú
	Xử lý triệt để các chất thải nguy hại đã chôn lấp tại ô chôn hiện hữu của Khu xử lý chất thải rắn Bình Nguyên	2017-2018	5.960,00	1.621,00	4.339,00	BQL KKT Dung Quất và các KCN tỉnh	100		Quyết định 2681/QĐ-UBND ngày 20/12/2016
6	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh			41,62					
	Khảo sát và xử lý chất độc CS	Từ tháng 3 đến tháng 10		41,62					
7	Công sự tỉnh		1.048,00	524,00	524,00				
	Chi hoạt động nghiệp vụ phòng ngừa đấu tranh chống hành vi vi phạm pháp luật về môi trường	1/1/2017 đến 31/12/2018	1.048,00	524,00	524,00	PC49	Năm 2017 đạt 100%; Tháng 6/2018 đạt 40%		
8	Tỉnh Đoàn Quảng Ngãi								
9	Hội Nông dân tỉnh		100,00	50,00	50,00				
	Tập huấn nâng cao nhận thức, kiến thức BVMT cho cán bộ, hội viên nông dân	2017-2018	100,00	50,00	50,00				

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí (đồng)	Kinh phí năm 2017 (đồng)	Kinh phí năm 2018 (đồng)	Đơn vị thực hiện; lưu giữ sản phẩm	Tiến độ giải ngân (%)	Các kết quả chính đã đạt được	Ghi chú
Huyện Ninh Hòa			2.463,74	1.998,63	465,11				
	Hỗ trợ xử lý ô nhiễm môi trường sau bão, mưa lũ	Năm 2017, 2018	470,00	300,00	170,00	UBND các xã, thị trấn	100	Xử lý rác thải	
	Xây dựng ống bi đặt tại đồng ruộng	Năm 2017	377,00	377,00		Phòng TNMT	100	Xây dựng 40 ống bi đặt tại 12 xã, TT	
	Công tác tuyên truyền môi trường	Năm 2017	182,60	182,60		Phòng TNMT	100	Sửa chữa 10 pa-nô, làm mới 02 pano, 60 băng rôn	
	Hỗ trợ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt	Năm 2017, 2018	895,10	599,99	295,10	UBND các xã, TT; Phòng TNMT	100	Thu gom, xử lý rác thải tồn đọng tại địa phương;	
	Mua cây xanh, cây có hoa tạo cảnh quan môi trường	Năm 2017	277,82	277,82		Phòng TNMT	100	5136 cây (Trang Nhật, Dâm Bụt Thái, Hồng Lộc)	
	Mua thùng đựng rác	Năm 2017	221,65	221,65		Phòng TNMT	100	24 thùng đựng rác	
	Quan trắc nguồn nước tại xã Hành Trung	2017	39,59	39,59		Phòng TNMT	100	Quan trắc 27 thông số chất lượng nước dưới đất.	
Thị trấn Sơn Hòa			1.159,74	1.098,72	61,02				
*	Nhiệm vụ chuyên môn								
1	Nhiệm vụ chuyên tiếp:								
	Thu gom, vận chuyển rác sinh hoạt	2017-2018	4.330,00	1.880,00	2.450,00	UBND các xã; Phòng TNMT	55	100	
	Xử lý chất thải rắn sinh hoạt (giao có mục tiêu)		2.000,00	1.000,00	1.000,00		0	100	

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí (đồng)	Kinh phí năm 2017 (đồng)	Kinh phí năm 2018 (đồng)	Đơn vị thực hiện; lưu giữ sản phẩm	Tiến độ giải ngân (%)	Các kết quả chính đã đạt được	Ghi chú
2	Nhiệm vụ mở mới								
	Mua sắm thiết bị thu gom	2018	300,00		300,00	Phòng TNMT	100%		
*	Nhiệm vụ thường xuyên								
	Báo cáo công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn huyện	2017-2018	396,42	196,42	200,00	Phòng TNMT	0%	100%	
	Đánh giá chất lượng và kiểm soát ô nhiễm môi trường		199,72	99,72	100,00		0%	100%	
	Kiểm tra công tác bảo vệ môi trường		100,00	50,00	50,00		50	100	
	Hưởng ứng các ngày lễ về môi trường		60,00	30,00	30,00		85%		
	- Tuyên truyền, tập huấn công tác BVMT	2017-2018	70,00	40,00	30,00	Phòng TNMT	0	100%	
Tổng cộng			1.068,00	624,00	644,00				
*	Nhiệm vụ chuyên môn								
	Nhiệm vụ mới								
1	Hỗ trợ công tác thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải cho các xã, hỗ trợ xây dựng và duy trì các phong trào, mô hình bảo vệ môi trường	2017-2018	2.060,00	1.395,00	665,00		100	Thu gom CTR	
2	Lập báo cáo quan trắc, đánh giá hiện trạng môi trường	2017	200,00	200,00	0,00		100		
3	Kinh phí ra quân đầu năm	2017-2018	37,00	30,00	7,00			Nâng cao nhận thức	
4	Thăm hỏi, động viên các Tổ tự quản	2017-2018	36,40	20,00	16,40		40		

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí (đồng)	Kinh phí năm 2017 (đồng)	Kinh phí năm 2018 (đồng)	Đơn vị thực hiện; lưu giữ sản phẩm	Tiến độ giải ngân (%)	Các kết quả chính đã đạt được	Ghi chú
5	Xây dựng và sửa chữa các pano tuyên truyền môi trường	2017	50,00	50,00	0,00		25,8		
6	Kinh phí thực hiện thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải xã Bình Thới	2017	85,00	85,00					
7	Kinh phí khắc phục ô nhiễm môi trường sau lũ	2017	949,00	949,00					
8	Kinh phí khắc phục sự cố, xử lý ô nhiễm môi trường	2018	200,00	0,00	200,00		0		
9	Kinh phí lấy mẫu, quan trắc phục vụ giải quyết những phản ánh, kiến nghị của nhân dân	2018	160,00	0,00	160,00		0		
10	Dự phòng chi	2018	2.100,00		2.100,00		0		
*	Nhiệm vụ thường xuyên								
1	Thu gom, xử lý rác thải trên địa bàn thị trấn Châu Ô	Hàng năm	4.700,00	2.200,00	2.500,00		46,8	Thu gom CTR	
2	Kinh phí hỗ trợ đội thu gom rác thải đêm giao thừa	Hàng năm	10,00	5,00	5,00		100		
3	Tổ chức các hoạt động Ngày môi trường thế giới 5/6, biển đảo, Làm cho thế giới sạch hơn 22/9...	Hàng năm	190,60	100,00	90,60		92,1	Nâng cao nhận thức	
4	Kinh phí thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải 3 xã Bình Dương, Bình Trung, Bình Thanh Đông	Hàng năm	2.290,00	1.500,00	790,00		80,8	Thu gom CTR	
			30.408,00	6.872,00	25.536,00				

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí (đồng)	Kinh phí năm 2017 (đồng)	Kinh phí năm 2018 (đồng)	Đơn vị thực hiện; lưu giữ sản phẩm	Tiến độ giải ngân (%)	Các kết quả chính đã đạt được	Ghi chú
*	Nhiệm vụ chuyên môn								
1	Nhiệm vụ chuyên tiếp								
	Trồng và chăm sóc cây xanh	2017	6.247,00	3.597,00	2.650,00	Đội Vệ sinh môi trường	100%		
2	Nhiệm vụ mở mới								
*	Nhiệm vụ thường xuyên								
1	Hỗ trợ xử lý rác bằng công nghệ đốt (thực hiện theo Phương án xã hội hóa theo Quyết định số 2264/QĐ-UBND ngày 09/6/2017 của UBND huyện Đức Phổ) 50 tấn rác /1 ngày x 30 ngày x 12 tháng = 18.000 tấn/năm	2018	7.044,00		7.044,00	Phòng Kinh tế hạ tầng	100%		Đơn giá ước tính 450.000đ/tấn rác
2	Hỗ trợ dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt (Đơn giá theo Quyết định số 756/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của UBND tỉnh Quảng Ngãi) 50 tấn rác/1 ngày x 30 ngày x 12 tháng = 18.000 tấn rác /năm	2018	6.500,00		6.500,00	Phòng Kinh tế hạ tầng	100%		Đơn giá ước tính 428.000đ/tấn rác (Đã trừ thu phí)
3	Hỗ trợ xử lý lượng rác còn tồn đọng tại Bãi rác Phò Thạnh bằng công nghệ đốt 20.000 tấn rác x 450.000đ/tấn rác	2018	2.500,00		2.500,00	Phòng Kinh tế hạ tầng	100%		Đơn giá ước tính 450.000đ/tấn rác
4	Hỗ trợ thu gom, vận chuyển và xử lý rác (kể cả xử lý bãi rác phía Nam huyện tại xã phò Thạnh)	2017	2.252,00	2.252,00	0,00	Phòng Kinh tế hạ tầng	100%		

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí (đồng)	Kinh phí năm 2017 (đồng)	Kinh phí năm 2018 (đồng)	Đơn vị thực hiện; lưu giữ sản phẩm	Tiến độ giải ngân (%)	Các kết quả chính đã đạt được	Ghi chú
5	Trồng và chăm sóc cây xanh	2018	3.000,00		3.000,00	Phòng Kinh tế hạ tầng	100%		
6	Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật để nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo vệ môi trường ...	2017-2018	1.385,00	373,00	1.012,00	UBND xã, thị trấn	100%		
7	Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật để nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo vệ môi trường và tập huấn nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường và phân loại rác tại nguồn	2017-2018	535,22	162,92	372,30	Phòng Tài nguyên và Môi trường	100%		
8	Quan trắc môi trường và lập báo cáo giám sát định kỳ hiện trạng môi trường	2017-2018	944,78	487,08	457,70	Phòng Tài nguyên và Môi trường	100%		
TỔNG CỘNG									
*	Nhiệm vụ chuyên môn								
1	Nhiệm vụ chuyển tiếp								
1.1	Đầu tư xây dựng khu xử lý rác thải sinh hoạt xã Đức Lân bằng công nghệ lò đốt đạt chuẩn	2017-2018	4.100,00	0,00	4.100,00	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện	4%	UBND huyện Mộ Đức đã phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật, kế hoạch bảo vệ môi trường, Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện đang lập đầy đủ các thủ tục về đất đai để xây dựng hoàn thành công trình trong năm 2018	

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí (đồng)	Kinh phí năm 2017 (đồng)	Kinh phí năm 2018 (đồng)	Đơn vị thực hiện; lưu giữ sản phẩm	Tiến độ giải ngân (%)	Các kết quả chính đã đạt được	Ghi chú
1.2	Đầu tư, nâng cấp khu xử lý rác thải sinh hoạt xã Đức Nhuận bằng công nghệ lò đốt đạt chuẩn	2017 - 2018	1.845,00	0,00	1.845,00	UBND xã Đức Nhuận	8%	UBND huyện Mộ Đức đã phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật, UBND xã Đức Nhuận đang lập đầy đủ các thủ tục về đất đai để xây dựng hoàn thành công trình trong năm 2018	
2	Nhiệm vụ mở mới								
2.1	Mua sắm thùng rác cấp cho các xã, thị trấn và các cơ quan, đơn vị có nhu cầu		400,00	400,00	0,00	Phòng TN&MT huyện	100%	Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện đã mua sắm 239 thùng rác 240 lít cấp cho các xã, thị trấn, trường học, cơ quan, đơn vị trên địa bàn huyện	
*	Nhiệm vụ thường xuyên								
1	Bù lỗ hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt (kinh phí sự nghiệp môi trường tỉnh, huyện)	Thực hiện hằng năm, Bắt đầu từ năm 2008	2.021,98	773,98	1.248,00	Hạt Quản lý và Sửa chữa đường bộ huyện, UBND các xã, thị trấn	89%	Thu gom rác thải trên địa bàn 13/13 xã, thị trấn thuộc huyện với tỷ lệ rác thải được thu gom đạt khoảng 66%	

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí (đồng)	Kinh phí năm 2017 (đồng)	Kinh phí năm 2018 (đồng)	Đơn vị thực hiện; lưu giữ sản phẩm	Tiến độ giải ngân (%)	Các kết quả chính đã đạt được	Ghi chú
2	Truyền thông nâng cao nhận thức cộng đồng	Thực hiện hằng năm, Bắt đầu từ năm 2006	451,72	240,00	211,72	Phòng TN&MT huyện, Đài truyền thanh huyện, UBMTTQVN huyện	20,92 %	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện chương trình phát thanh Tài nguyên Môi trường trên hệ thống Đài truyền thanh huyện, xã. - Tổ chức các hoạt động truyền thông hưởng ứng nhân các ngày lễ về môi trường gồm Ngày nước thế giới 22/3, Ngày đa dạng sinh học 22/5, tháng hành động vì môi trường, Ngày môi trường thế giới 05/6, Tuần lễ Biển và Hải đảo Việt Nam từ 01/6 – 08/6 và Ngày Đại dương thế giới 08/6, Chiến dịch làm cho thế giới sạch hơn 22/9 - Năm 2017, Xây dựng 01 panô tuyên truyền về môi trường - Năm 2017, Xây dựng mô hình 05 khu dân cư thực hiện hài hòa xói đói giảm nghèo và bảo vệ môi trường 	

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí (đồng)	Kinh phí năm 2017 (đồng)	Kinh phí năm 2018 (đồng)	Đơn vị thực hiện; lưu giữ sản phẩm	Tiến độ giải ngân (%)	Các kết quả chính đã đạt được	Ghi chú
3	Kiểm tra việc thực thi pháp luật bảo vệ môi trường	Thực hiện hằng năm, Bắt đầu từ năm 2006	40,00	20,00	20,00	Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện, Công an huyện, UBND các xã, thị trấn	0%	Năm 2017, UBND huyện đã ban hành chương trình kiểm tra môi trường, tổ chức phúc tra việc thực hiện kết luận của đợt kiểm tra môi trường năm 2016 đối với tất cả các trang trại chăn nuôi lớn trên địa bàn huyện Năm 2018, UBND huyện sẽ ban hành chương trình kiểm tra môi trường của huyện, tổ chức kiểm tra các trang trại chăn nuôi mới trên địa bàn huyện Mộ Đức và một số sở sở sản xuất trong các cụm công nghiệp của huyện; có kết luận kiểm tra đến từng cơ sở yêu cầu khắc phục các sai phạm	
4	Lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2018 của UBND huyện Mộ Đức	Thực hiện hằng năm, Bắt đầu từ năm 2018	189,28	0,00	189,28	Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện	0%	Đang triển khai thực hiện	

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí (đồng)	Kinh phí năm 2017 (đồng)	Kinh phí năm 2018 (đồng)	Đơn vị thực hiện; lưu giữ sản phẩm	Tiến độ giải ngân (%)	Các kết quả chính đã đạt được	Ghi chú
5	Tổ chức phân tích một số mẫu nước ngầm có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường theo đề nghị của các xã, thị trấn để khuyến cáo đến người dân		299,07	149,07	150,00	Phòng TN&MT huyện	100%	- Kết quả phân tích các mẫu nước ngầm trên địa bàn huyện Mộ Đức	
10. Huyện Tư Nghĩa									
11. Huyện Mộ Đức									
12. Huyện Minh Long									
1	Hưởng ứng các ngày lễ môi trường	Hàng năm	229,00	92,49	136,52	Phòng TNMT, Huyện đoàn	95	Nâng cao nhận thức cộng đồng	
2	Hỗ trợ công tác thu gom, xử lý rác	Hàng năm	639,84	312,85	326,98	Phòng KTHT	100	xử lý rác	
3	Trả nợ Mở rộng bãi chôn lấp rác thải của huyện	Hàng năm	226,43	226,43	0,00	Phòng TNMT	100	Bãi chôn rác thải	
4	Mua thùng rác công cộng	Hàng năm	91,50	0,00	91,50	Phòng TNMT	100	Thu gom rác	
6	Trồng và chăm sóc cây xanh	Hàng năm	132,25	45,25	87,00	Phòng TNMT	100	Tạo cảnh quan	
7	Kiểm tra Môi trường, khoáng sản	Hàng năm	23,00	23,00	0,00	Phòng TNMT, UBND 5 xã, Công an huyện	100	Bảo vệ môi trường	
9	Chi hợp đồng lao động	Hàng năm	35,00	0,00	35,00	Phòng TNMT	50	Bảo vệ môi trường	
10	Lập báo cáo môi trường	Hàng năm	23,00	0,00	23,00	Phòng TNMT	chưa thực hiện		

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí (đồng)	Kinh phí năm 2017 (đồng)	Kinh phí năm 2018 (đồng)	Đơn vị thực hiện; lưu giữ sản phẩm	Tiến độ giải ngân (%)	Các kết quả chính đã đạt được	Ghi chú
11	Xử lý môi trường khu dân cư	Hàng năm	1.010,46	10,46	1.000,00	Phòng TNMT	Đang thực hiện	Bảo vệ môi trường	
17 Huyện Trà Bồng									
18 Huyện Sơn Tây									
A	Nhiệm vụ chuyên môn								
B	Nhiệm vụ thường xuyên								
1	Tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp cho nhân viên thu gom rác và cán bộ phụ trách môi trường	Năm 2017-2018	441,40	212,71	228,69	Phòng TN&MT	41%		
2	Tiền nhiên liệu thực hiện công tác thu gom rác	Năm 2017-2018	363,13	139,08	224,05	Phòng TN&MT	32%		
3	Mua dụng cụ phục vụ công tác thu gom rác	Năm 2017-2018	453,58	280,53	173,05	Phòng TN&MT	0%	Chưa thực hiện	
4	Công tác tuyên truyền	Năm 2017	104,80	104,80		Phòng TN&MT	0%		
5	Chi sửa chữa, khám lưu hành, lệ phí đường bộ và bảo hiểm xe thu gom rác	Năm 2017-2018	302,37	96,31	206,06	Phòng TN&MT	3%		
6	Xây dựng hồ xử lý rác thải sinh hoạt	Năm 2017-2018	1.136,93	536,93	600,00	Phòng TN&MT	0%	Chưa thực hiện	

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí (đồng)	Kinh phí năm 2017 (đồng)	Kinh phí năm 2018 (đồng)	Đơn vị thực hiện; lưu giữ sản phẩm	Tiến độ giải ngân (%)	Các kết quả chính đã đạt được	Ghi chú
7	Chi khác	Năm 2017-2018	89,00	12,00	77,00	Phòng TN&MT	5%		
8	Xử lý rác thải	Năm 2017	87,31	87,31		Phòng TN&MT	0%	Chưa thực hiện	
C	Hỗ trợ xử lý ô nhiễm môi trường nghiêm trọng	Năm 2017-2018	200,00	100,00	100,00	Phòng TN&MT	100%		
IV Huyện Sơn Hòa			12.462,12	3.995,40	1.761,70				
*	Nhiệm chuyên môn								
	Nhiệm vụ thường xuyên								
1	Hương ứng các ngày về môi trường	Hàng năm	136,47	84,14	52,33	Phòng TNMT	50%		
2	Gia cố Hồ chứa rác cụm Sơn Cao – Linh – Giang	Năm 2017	700,00	700,00		Phòng TNMT	100%		
3	Mua thùng rác phục vụ cho công tác thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải	Năm 2017-2018	150,00	50,00	100,00	Phòng TNMT	100%		
4	Mở rộng, nâng cấp Hồ chứa rác thị trấn Di Lăng	Năm 2017	2.000,00	2.000,00		Phòng TNMT	100%		
5	Công tác chăm sóc cây xanh	Hàng năm	951,49	455,90	495,59	Phòng TNMT	50%		
6	Trồng cây xanh đô thị tại thị trấn Di Lăng	Năm 2017-2018	600,00	200,00	400,00	Phòng TNMT	33,30 %		

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí (đồng)	Kinh phí năm 2017 (đồng)	Kinh phí năm 2018 (đồng)	Đơn vị thực hiện; lưu giữ sản phẩm	Tiến độ giải ngân (%)	Các kết quả chính đã đạt được	Ghi chú
7	Tuyên truyền cộng đồng về bảo vệ môi trường bằng tiếng Hre, triển khai Luật Bảo vệ môi trường	Năm 2017	20,00	20,00		Phòng TNMT	100%		
8	Chi cho công tác thu gom, vận chuyển xử lý rác thải trên địa bàn huyện	Hàng năm	984,16	485,37	498,79	Phòng TNMT	50%		
9	Mô hình xử lý chất thải rắn quy mô liên xã Hạ - Thành - Giang	Năm 2018	6.700,00		200,00	Phòng TNMT	0%	Chương trình NTM	
10	Kiểm tra, kiểm định các cơ sở sản xuất theo tiêu chuẩn môi trường	Năm 2018	20,00		20,00	Phòng TNMT	0%		
20	Tổng cộng		3.062,16	1.530,00	1.530,79				
*	Nhiệm vụ chuyên môn								
1	Hợp đồng với Đội phụ trách vệ sinh môi trường thu gom, vận chuyển rác thải	Định kỳ hàng năm	309,20	108,00	201,20	Phòng TN-MT	100	Giảm thiểu ô nhiễm tại khu vực Trung tâm huyện.	
2	Hợp đồng lao động lái xe, nhiên liệu hoạt động của xe, bảo hiểm, bảo trì, sửa chữa xe theo định kỳ.	Định kỳ hàng năm	275,88	138,02	137,86	Phòng TN-MT	100	Thu gom, vận chuyển, xử lý gần 300 tấn rác/năm	
3	Mua thiết bị thu gom rác (thùng rác)	2017	160,00	160,00	0,00	Phòng TN-MT	100		
4	Thanh tra, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, tổ chức các ngày lễ về môi trường	Định kỳ hàng năm	201,52	100,76	100,76	Phòng TN-MT	100	Nâng cao nhận thức trong cộng đồng, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về môi trường	

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí (đồng)	Kinh phí năm 2017 (đồng)	Kinh phí năm 2018 (đồng)	Đơn vị thực hiện; lưu giữ sản phẩm	Tiến độ giải ngân (%)	Các kết quả chính đã đạt được	Ghi chú
5	Hỗ trợ làm vệ sinh môi trường, xử lý chất thải tại khu vực Trung tâm huyện và 9/9 xã	2017-2018	1.190,13	616,38	573,75	Phòng TN-MT	100	Nạo vét, khai thông gần 100 km mương thoát nước và thu dọn, xử lý hạt thải tại các trường học, khu dân cư trên địa bàn 9 xã.	
6	Hợp đồng với cán bộ làm công tác môi trường	Định kỳ hàng năm	175,13	81,84	93,29	Phòng TN-MT	100	Tăng cường công tác quản lý môi trường	
7	Xây dựng hồ chôn lấp rác thải mi ni tại 9 xã và lò đốt rác thải y tế xã Trà Khê..	2017	270,00	270,00	0,00	Phòng TN-MT	100	Chôn lấp, xử lý một lượng lớn rác thải tại các xã.	
8	Hỗ trợ xây dựng nhà vệ sinh tự hoại cho hộ gia đình nghèo, hộ chính sách.	2018	288,00	0,00	288,00	Phòng TN-MT	100		
9	Hỗ trợ cho tổ tự quản vệ sinh môi trường	2018	120,00	0,00	120,00	Phòng TN-MT	100		
10	Chi xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường, đề án bảo vệ môi trường đơn giản.	2018	10,00		10,00		100		
11	Chi khác	2017, 2018	62,90	55,00	7,90	Phòng TN-MT	100		
			1.175,13	653,20	2.246,10				
*	Nhiệm vụ thường xuyên								

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí (đồng)	Kinh phí năm 2017 (đồng)	Kinh phí năm 2018 (đồng)	Đơn vị thực hiện; lưu giữ sản phẩm	Tiến độ giải ngân (%)	Các kết quả chính đã đạt được	Ghi chú
1	Thực hiện công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường như: tuyên truyền, kiểm tra xác nhận CKBVMT, hỗ trợ thu gom, kiểm tra về BVMT	Năm 2017-2018	1.609,00	283,00	1.326,00	Phòng TN & MT huyện, các xã thị trấn của huyện	Năm 2017 giải ngân: 100%; Năm 2018: 30%	Truyền thông nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường của các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân và cộng đồng góp phần giữ gìn môi trường xanh - sạch - đẹp. Thực hiện công tác thu gom và xử lý rác thải ở các xã.	
2	Thu gom, vận chuyển rác và xử lý rác thải tại thị trấn Ba Tơ	Năm 2017-2018	1.496,80	576,80	920,00	Đội QLĐT & CCTCC huyện	Năm 2017 giải ngân: 100%, Năm 2018 giải ngân: 45 %	Năm 2017 thu gom được 95% lượng rác thải đô thị;	
2	Huyện Lệ Sơn		14.591,33	9.756,72	4.834,62				
	Chi thu gom vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn huyện, chi công tác tuyên truyền, thuê nhân công dọn vệ sinh các điểm gây ô nhiễm môi trường, mua thùng rác, xe đẩy cải tiến phục vụ thu gom	Năm 2017-2018	14.591,33	9.756,72	4.834,62				
28	Thành phố Quảng Ngãi		93.691,00	74.521,00	19.170,00				
*	Nhiệm vụ chuyên môn								

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí (đồng)	Kinh phí năm 2017 (đồng)	Kinh phí năm 2018 (đồng)	Đơn vị thực hiện; lưu giữ sản phẩm	Tiến độ giải ngân (%)	Các kết quả chính đã đạt được	Ghi chú
1	Nhiệm vụ chuyển tiếp								
1	Hỗ trợ công tác bảo vệ môi trường cho các xã điểm xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thành phố		600,00	300,00	300,00		50		
2	Hỗ trợ xử lý ô nhiễm môi trường nghiêm trọng tại Trung tâm y tế các huyện và thành phố		400,00	200,00	200,00		50		
3	Thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải		91.461,00	43.461,00	48.000,00		50		
2	Nhiệm vụ mở mới		0,00						
1	Xây dựng mô hình bảo vệ môi trường tại các xã/phường		170,00	70,00	100,00	Phòng TNMT và Hội ND, Hội LHPN TP; UBND các xã/phường	100	Mô hình thu gom vỏ chai, bao bì thuốc bảo vệ thực vật trên đồng ruộng	
2	Thực hiện lấy mẫu phân tích môi trường theo kiến nghị của cử tri		70,00	20,00	50,00	Phòng TNMT	100	Trả lời ý kiến cử tri	
*	Nhiệm vụ thường xuyên		0,00						
3	Lập báo cáo hiện trạng môi trường thành phố		450,00	200,00	250,00	Phòng TNMT	50	Báo cáo	
4	Công tác thanh tra, kiểm tra và kiểm soát ô nhiễm		40,00	20,00	20,00	Phòng TNMT, UBND các xã/phường	50		
5	Hỗ trợ công tác quản lý môi trường tại 23 xã/phường		400,00	200,00	200,00	UBND các xã/phường	50		
6	Hỗ trợ cảnh sát môi trường phối hợp phòng chống tội phạm môi trường		100,00	50,00	50,00	Công an thành phố	100	Trình sát phát hiện và xử lý vi phạm hành chính về môi trường	

Phụ lục 3:
TỔNG HỢP CÁC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NĂM 2019

(Kèm theo Công văn số **4583** /UBND-NNTN ngày **02/8/2018** của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Cơ sở pháp lý	Mục tiêu	Nội dung thực hiện	Dự kiến sản phẩm	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí (đồng)	Lũy kế đến hết năm 2018	Kinh phí năm 2019 (đồng)	Ghi chú
	Sơ tài nguyên và Môi trường							17.591.000		17.591.000	
A	Nhiệm vụ chuyên môn										
1	Nhiệm vụ chuyên tiếp										
2	Nhiệm vụ mở mới										
1	Xử lý Kho thuốc BVTV Độc Trạm, huyện Sơn Tịnh	Quyết định số 749/QĐ-UBND ngày 29/4/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh	Khắc phục vùng ô nhiễm hóa chất BVTV	- Xử lý đất bị ô nhiễm bằng hóa chất và phân hủy sinh học. - Cải tạo, phục hồi và hoàn trả mặt bằng.	Hồ sơ, báo cáo, các kết quả quan trắc	Chi cục BVMT	Năm 2019			14.490,00	
B	Nhiệm vụ thường xuyên										
1	Duy trì vận hành và nâng cấp hệ thống tiếp nhận, quản lý dữ liệu quan trắc môi trường tự động liên tục	Quyết định số 1134/QĐ-UBND ngày 19/6/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh	Tiếp nhận, lưu trữ và truy xuất dữ liệu quan trắc môi trường	Duy trì, vận hành hệ thống tiếp nhận, quản lý dữ liệu quan trắc môi trường tự động liên tục	Hệ thống vận hành ổn định	Chi cục BVMT	Hàng năm			200	
2	Kiểm tra công tác bảo vệ môi trường tại các cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh, lấy mẫu, phân tích môi trường đối với thành phần khí thải công nghiệp và nước thải					Chi cục BVMT	Hàng năm			50	

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Cơ sở pháp lý	Mục tiêu	Nội dung thực hiện	Dự kiến sản phẩm	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí (đồng)	Lũy kế đến hết năm 2018	Kinh phí năm 2019 (đồng)	Ghi chú
3	Phòng ngừa ứng phó, giải quyết các vụ, sự cố môi trường trong năm 2016 (dự phòng cho 2 sự vụ)					Chi cục BVMT	Hàng năm			150	
1	Kiểm tra, kiểm soát MT các nhà máy, các cơ sở SXKD gây ô nhiễm; Hậu kiểm các dự án sau khi được phê duyệt ĐTM, Kế hoạch BVMT.		Đánh giá việc chấp hành các quy định về BVMT của các cơ sở SXKD	Kiểm tra định kỳ việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường, kiểm tra xác nhận hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường	các kết luận kiểm tra, xử lý hành vi vi phạm	Chi cục Bảo vệ môi trường	2019			90,00	
2	Công tác thẩm định báo cáo ĐTM			chi các hạng mục phục vụ công tác thẩm định ĐTM		Chi cục Bảo vệ môi trường	2019			1015,48	
3	Công tác thẩm định phương án cải tạo phục hồi môi trường/phương án cải tạo phục hồi môi trường bổ sung			chi các hạng mục phục vụ công tác thẩm định phương án cải tạo phục hồi môi trường/phương án cải tạo phục hồi môi trường bổ sung		Chi cục Bảo vệ môi trường	2019			124,67	
4	Báo cáo công tác bảo vệ môi trường tỉnh		- Đánh giá hiện trạng, diễn biến các thành phần môi trường và các vấn đề môi trường trên địa bàn tỉnh	- Điều tra, khảo sát, thu thập và tổng hợp các thông tin chỉ tiêu báo cáo về môi trường cấp tỉnh - Nghiên cứu, tổng hợp, viết các nội dung thành phần của báo cáo theo mẫu tại Thông tư số 19/2016/TT-BTNMT	Báo cáo với các số liệu được cập nhật mới nhất	Chi cục Bảo vệ môi trường	2019			200,00	

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Cơ sở pháp lý	Mục tiêu	Nội dung thực hiện	Dự kiến sản phẩm	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí (đồng)	Lũy kế đến hết năm 2018	Kinh phí năm 2019 (đồng)	Ghi chú
			- Đánh giá tình hình và kết quả thực hiện công tác bảo vệ môi trường; từ đó đề xuất phương hướng và giải pháp bảo vệ môi trường trong thời gian đến	ngày 24/8/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về báo cáo công tác bảo vệ môi trường							
5	Tổ chức Ngày hội môi trường tỉnh Quảng Ngãi 2019		Truyền thông về BVMT			Chi cục Bảo vệ môi trường	2019			130,7	
6	Tổ chức Lễ phát động hưởng ứng Chiến dịch làm cho thế giới sạch hơn 2019					Chi cục Bảo vệ môi trường	2019			97,3	
7	Phát hành Bản tin tài nguyên và môi trường		Tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo vệ tài nguyên và môi trường	Phát hành Bản tin	1.200 tập	Trung tâm Công nghệ thông tin	Hàng năm			150,00	
8	Quan trắc môi trường trên địa bàn Tỉnh Quảng Ngãi					TT Trắc địa và QTMT				2.226,00	

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Cơ sở pháp lý	Mục tiêu	Nội dung thực hiện	Dự kiến sản phẩm	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí (đồng)	Lũy kế đến hết năm 2018	Kinh phí năm 2019 (đồng)	Ghi chú
9	Các nhiệm vụ thực hiện KH ứng phó sự cố tràn dầu trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016-2020	<p>QĐ 304/QĐ-UB ngày 31/8/2015 của UBQGTKCN phê duyệt KH UP SCTD tỉnh Quảng Ngãi</p> <p>QĐ 1537/QĐ-UBND ngày 19/8/2016 của UBND tỉnh phê duyệt KH thực hiện các hoạt động UP SCTD trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016-2020</p>	Triển khai KH UP SCTD tỉnh Quảng Ngãi đã được UBQGTKCN phê duyệt tại QĐ 304/QĐ-UB ngày 31/8/2015	Tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng trong UP SCTD	Hội nghị tuyên truyền, tờ rơi, băng rôn, phướn, truyền thông qua các kênh thông tin đại chúng	Chi cục Biển và Hải đảo	2019			60,00	
				Đào tạo nguồn nhân lực phục vụ công tác UP SCTD	Tập huấn, đào tạo	Chi cục Biển và Hải đảo	2019			80,00	
				Tổ chức diễn tập UP SCTD	Diễn tập tình huống trong phòng và diễn tập thực tế ngoài trời	Chi cục Biển và Hải đảo	2019			265,00	
				Hoạt động của Ban Chỉ huy UP SCTD và các bộ phận giúp việc (hợp, duy trì thông tin liên lạc, hỗ trợ kinh phí hoạt động cho Văn phòng BCH, cho các đội ứng phó và một số công tác hậu cần)	Hoạt động của Ban Chỉ huy UP SCTD và các bộ phận giúp việc được thông suốt	Chi cục Biển và Hải đảo	2019			30,00	
								3.749,00	3.749,00		

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Cơ sở pháp lý	Mục tiêu	Nội dung thực hiện	Dự kiến sản phẩm	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí (đồng)	Lũy kế đến hết năm 2018	Kinh phí năm 2019 (đồng)	Ghi chú
	nông thôn										
A	Nhiệm vụ chuyên môn										
2	Nhiệm vụ mở mới										
2.1	Xử lý ô nhiễm môi trường các làng nghề, điểm phát sinh dịch bệnh.	QĐ số 303/QĐ-UBND ngày 05/3/2013 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt đề án Bảo vệ môi trường tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2013-2015 và định hướng đến năm 2020	Thay đổi hành vi về sử dụng nước sạch và VSMT ở nông thôn. Cải thiện tình hình VSMT ở nông thôn	Xử lý những vùng ô nhiễm môi trường ở những vùng biển và những làng nghề	Không còn ô nhiễm ở các làng nghề, không phát sinh dịch bệnh	TT Nước sạch và VSMT nông thôn Q.Ngãi	Năm 2019	200,00		200,00	
2.2	Hỗ trợ vận hành các lò đốt chất thải, hoạt động phân loại, thu gom, vận chuyển, xử lý giảm thiểu, tái chế, chôn lấp chất thải thông thường.			Hỗ trợ vận hành cho các đội thu gom rác thải ở các xã.	Các lò đốt được vận hành tốt	TT Nước sạch và VSMT nông thôn Q.Ngãi	Năm 2019	400,00		400,00	
2.3	Truyền thông nâng cao nhận thức cộng đồng về sử dụng nước sạch và vệ sinh môi trường			Mở các lớp truyền thông cho người dân	Thay đổi hành vi của người dân về sử dụng nước sạch và VSMT	TT Nước sạch và VSMT nông thôn Q.Ngãi	Năm 2019	300,00		300,00	
2.4	Truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng			Làm phóng sự truyền hình, Hợp đồng với báo Quảng Ngãi viết bài.	Các phóng sự tuyên truyền và bài báo tuyên truyền về	TT Nước sạch và VSMT nông thôn Q.Ngãi	Năm 2019	100,00		100,00	

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Cơ sở pháp lý	Mục tiêu	Nội dung thực hiện	Dự kiến sản phẩm	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí (đồng)	Lũy kế đến hết năm 2018	Kinh phí năm 2019 (đồng)	Ghi chú
					nước sạch và VSMT						
2.5	Điều tra, khảo sát, đánh giá và bảo tồn các giống loài động, thực vật quý hiếm có nguy cơ tuyệt chủng cần được bảo vệ ở Khu bảo tồn biển Lý Sơn.	Đang trình UBND tỉnh phê duyệt Kế hoạch quản lý Khu bảo tồn biển lý Sơn giai đoạn 2018 - 2022	Bảo vệ, bảo tồn, phục hồi và phát triển các loài động, thực vật quý hiếm ở Khu bảo tồn biển Lý Sơn	Điều tra, khảo sát, đánh giá các loài động, thực vật quý hiếm ở Khu bảo tồn biển Lý Sơn có nguy cơ tuyệt chủng; xây dựng kế hoạch bảo tồn, phục hồi và phát triển	Danh mục các loài động, thực vật quý hiếm ở Khu bảo tồn biển Lý Sơn có nguy cơ tuyệt chủng; Kế hoạch bảo tồn, phục hồi và phát triển các loài động, thực vật quý hiếm ở Khu bảo tồn biển Lý Sơn	BQL Khu bảo tồn biển lý Sơn	Năm 2019	500,00		500,00	
2.6	Tuyên truyền giáo dục nâng cao nhận thức về bảo tồn và phát triển nguồn lợi thủy sản, tính đa dạng sinh học cho cộng đồng cư dân huyện lý Sơn	QĐ số 2306/QĐ-UBND ngày 30/11/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi Phê duyệt Kế hoạch thực hiện Chương trình bảo vệ và	Nâng cao nhận thức về bảo tồn và phát triển nguồn lợi thủy sản, tính đa dạng sinh học cho cộng	Tổ chức 10 lớp tập huấn; in ấn 5.000 tờ rơi, xây dựng 02 pano	nhận thức về bảo tồn và phát triển nguồn lợi thủy sản của cộng đồng cư dân	BQL Khu bảo tồn biển lý Sơn	Năm 2019	164,00		164,00	

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Cơ sở pháp lý	Mục tiêu	Nội dung thực hiện	Dự kiến sản phẩm	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí (đồng)	Lũy kế đến hết năm 2018	Kinh phí năm 2019 (đồng)	Ghi chú
		phát triển nguồn lợi thủy sản tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020	đồng cư dân huyện lý Sơn		huyện lý Sơn được nâng lên; tình trạng khai thác thủy sản mang tính hủy diệt, khai thác các loài thủy sản quý hiếm được ngăn chặn						
2.7	Mở lớp tập huấn thực hiện “Bảo vệ môi trường làng nghề tại 3 làng nghề gây ô nhiễm: Bùn xã Nghĩa Mỹ, Mắm xã Đức Lợi, hải sản xã Thạch Bì”	Quyết định số 777/QĐ-UBND ngày 04/06/2013 Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	Nâng cao nhận thức của cộng đồng về công tác bảo vệ môi trường	Triển khai về các nội dung BVMT làng nghề và các cơ sở sản xuất phải thực hiện theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường do Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 23/6/2014 và có hiệu lực ngày 01/01/2015 và các văn bản liên quan.	Số lớp tập huấn	Chi cục Phát triển nông thôn Quảng Ngãi	Năm 2019	240,00		240,00	
2.8	Đánh giá, phân loại các làng nghề trên địa bàn tỉnh theo mức độ ô nhiễm môi trường	Thông tư 31/2016/TT-BTNMT ngày 14/10/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường	Nắm rõ được tình hình ô nhiễm môi trường tại các làng nghề .Kịp thời có	Quan trắc chất lượng môi trường không khí, nước mặt, nước ngầm tại các làng nghề . Đánh giá kết quả quan trắc.	Báo cáo	Chi cục Phát triển nông thôn Quảng Ngãi	Năm 2019	95,00		95,00	

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Cơ sở pháp lý	Mục tiêu	Nội dung thực hiện	Dự kiến sản phẩm	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí (đồng)	Lũy kế đến hết năm 2018	Kinh phí năm 2019 (đồng)	Ghi chú
			biện pháp khác xử lý tình hình ô nhiễm môi trường do hoạt động sản chế biến của các làng nghề.								
2.9	Giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý bao gói thuốc BVTV sau sử dụng tại các xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi năm 2019	TTLT số 02/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Bộ Tài Chính hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp môi trường TTLT số 05/2016/TTLT-BNNPTNT-BTNMT ngày 16 tháng 5 năm 2016 của Bộ NNPTNT và Bộ TNMT hướng dẫn việc thu gom, vận chuyển và xử lý bao gói thuốc Bảo vệ thực vật. Nghị quyết số 46/2017/NQ-HĐND ngày 29	Góp phần quản lý bao gói thuốc BVTV sau sử dụng tại các xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi theo quy định	- Điều tra; - In ấn tài liệu; - Bảng pano tuyên truyền; - Tập huấn - Xây dựng Mô hình bể chứa bao gói thuốc BVTV sau sử dụng	- Báo cáo thực trạng từ đó có giải pháp nâng cao nhận thức của nông dân trong việc thu gom, vận chuyển, xử lý vỏ bao gói thuốc BVTV sau sử dụng. - Pano tuyên truyền trên đồng ruộng. - Bể chứa bao gói thuốc bảo	Chi cục Trồng trọt và BVTV	Năm 2019	1.600,00		1.600,00	

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Cơ sở pháp lý	Mục tiêu	Nội dung thực hiện	Dự kiến sản phẩm	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí (đồng)	Lũy kế đến hết năm 2018	Kinh phí năm 2019 (đồng)	Ghi chú
		tháng 9 năm 2017 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi ban hành quy định mức chi công tác phí, chi Hội nghị áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị tỉnh Quảng Ngãi.			<p>vệ thực vật sau sử dụng trên đồng ruộng đạt tiêu chuẩn</p> <p>- Nâng cao nhận thức cho cán bộ cơ sở, cán bộ các ban ngành, đoàn thể xã và nông dân về kỹ thuật sử dụng thuốc bảo vệ thực vật an toàn, hiệu quả và cách thu gom bao gói thuốc BVTV sau sử dụng.</p> <p>- Góp phần tạo môi trường sản xuất</p>						

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Cơ sở pháp lý	Mục tiêu	Nội dung thực hiện	Dự kiến sản phẩm	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí (đồng)	Lũy kế đến hết năm 2018	Kinh phí năm 2019 (đồng)	Ghi chú
					nông nghiệp sạch, bền vững.						
2.10	Tuyên truyền về việc thu gom bao gói và sử dụng thuốc BVTV	TTLT số 05/2016/TTLT-BNNPTNT-BTNMT ngày 16 tháng 5 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ TNMT hướng dẫn việc thu gom, vận chuyển và xử lý bao gói thuốc Bảo vệ thực vật. Quyết định số 30/Số: 30/2014/QĐ-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2014 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về ban hành chế độ chi và mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông từ nguồn kinh phí địa phương trên địa bàn tỉnh	Nâng cao nhận thức của người dân trong việc thu gom, vận chuyển xử lý loại rác thải này. Dân khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường do việc vứt bao bì đựng thuốc BVTV bừa bãi trên đồng ruộng, xây dựng cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn tại các cánh đồng sản xuất.	- Bảng pano tuyên truyền; - Tập huấn	- Nâng cao nhận thức của nông dân và cán bộ cơ sở về bảo vệ môi trường trong sản xuất nông nghiệp	Chi cục Trồng trọt và BVTV	Năm 2019	150,00		150,00	

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Cơ sở pháp lý	Mục tiêu	Nội dung thực hiện	Dự kiến sản phẩm	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí (đồng)	Lũy kế đến hết năm 2018	Kinh phí năm 2019 (đồng)	Ghi chú
		Quảng Ngãi									
3	Sở Giáo dục và Đào tạo							150,00		150,00	
	Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật để nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo vệ môi trường	Chế độ chi tiêu hội nghị			Tập huấn cho cán bộ, giáo viên các cơ sở giáo dục	Sở GD&ĐT	Năm 2019	50,00		50,00	
	Mua tài liệu tuyên truyền giáo dục PL về BVMT	Theo hóa đơn			Tài liệu	Sở GD&ĐT	Năm 2019	100,00		100,00	
4	Sở Y tế							30.930,00		30.930,00	
1	Phân loại, thu gom, vận chuyển, lưu giữ chất thải rắn y tế; Thu gom và xử lý nước thải; Quan trắc môi trường định kỳ; Đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực quản lý chất thải y tế; Giám sát môi trường; Giám sát chất lượng nước thải; Lập đề án chi tiết bảo vệ môi trường độc hại do chất thải gây ra và lập hồ sơ chi tiết xả thải vào nguồn nước; Đầu tư 03 hệ thống xử lý chất thải rắn y tế nguy hại....	Thông tư 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT; Thông tư 36/2015/TT-BTNMT...	Hạn chế ô nhiễm môi trường do chất thải rắn y tế; Hạn chế lây lan dịch bệnh; nâng cao ý thức bảo vệ môi trường...	Trang bị đủ túi đựng chất thải, hộp đựng vật sắc nhọn, thùng đựng chất thải y tế nguy hại; trang bị phương tiện bảo hộ lao động; đầu tư mới 03 hệ thống xử lý chất thải rắn y tế nguy hại quy mô nhỏ (khoảng 18kg/giờ) và 03 hệ thống xử lý nước thải (100 m3/ngày đêm) cho Trung tâm YT Sơn Tây, Tây Trà, Lý Sơn...	Môi trường các cơ sở khám, chữa bệnh xanh - sạch - đẹp; nước thải ra môi trường đảm bảo tiêu chuẩn; ý thức của cán bộ, nhân viên y tế về bảo vệ môi trường được nâng cao....	Các cơ sở y tế khám, chữa bệnh công lập trong toàn tỉnh	Năm 2019	30.930,00	0,00	30.930,00	Năm 2017, 2018 ngành y tế chưa được giao dự toán kinh phí sự nghiệp p môi trường

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Cơ sở pháp lý	Mục tiêu	Nội dung thực hiện	Dự kiến sản phẩm	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí (đồng)	Lũy kế đến hết năm 2018	Kinh phí năm 2019 (đồng)	Ghi chú
								38.795,52	8.000,00	19.983,52	
I	Nhiệm vụ chuyên môn										
1	Đánh giá và đề xuất các giải pháp quản lý và bảo vệ môi trường biển ven bờ Khu kinh tế Dung Quất		Đánh giá, kiểm soát, quản lý công tác bảo vệ môi trường vùng biển ven bờ.	Điều tra, khảo sát, thu thập số liệu, đánh giá hiện trạng các nguồn gây ô nhiễm ven bờ; công tác bảo vệ môi trường vùng biển ven bờ và đề xuất biện pháp quản lý các nguồn thải ra vùng biển ven bờ trên địa bàn KKT Dung Quất.			Năm 2019	950,00		950,00	Theo Quyết định số 2347/QĐ-UBND D ngày 28/12/2015 của UBND tỉnh Quảng Ngãi
2	Đầu tư nâng cao năng lực quan trắc, giám sát môi trường và xây dựng cơ sở dữ liệu môi trường trên địa bàn KKT Dung Quất		nâng cao năng lực quan trắc phục vụ công tác quản lý, giám sát môi trường KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi	+ Nâng cao năng lực quan trắc phục vụ công tác quản lý, giám sát môi trường KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi; + Xây dựng cơ sở dữ liệu âm quản lý số liệu quan trắc môi trường, hồ sơ, dữ liệu môi trường các doanh nghiệp trên địa bàn KKT Dung Quất.			từ năm 2017	3.000,00	1.505,48	750,00	
3	Quy hoạch bãi thải trên địa bàn KKT Dung Quất		Hỗ trợ trong công tác quản lý và chủ động trong việc thỏa thuận vị trí đổ	Điều tra, khảo sát, đánh giá khả năng phát thải các chất thải xây dựng; khảo sát các vị trí bãi thải; lập quy hoạch bãi thải nhằm nâng cao hiệu quả quản lý			Năm 2018 - 2019	856,00	602,00	254,00	Quyết định số 99/QĐ-UBND

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Cơ sở pháp lý	Mục tiêu	Nội dung thực hiện	Dự kiến sản phẩm	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí (đồng)	Lũy kế đến hết năm 2018	Kinh phí năm 2019 (đồng)	Ghi chú
			thải cho Nhà đầu tư trong KKT Dung Quất	chất thải xây dựng, cải thiện chất lượng môi trường, đảm bảo sức khỏe cộng đồng và góp phần vào sự nghiệp phát triển bền vững của khu vực.							D ngày 11/01 /2018
II	Nhiệm vụ thường xuyên										
1	Thực hiện Quan trắc và kiểm soát ô nhiễm môi trường KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi		Quan trắc, kiểm soát ô nhiễm môi trường KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi	Lấy mẫu, phân tích mẫu, điều tra thu thập số liệu và báo cáo kết quả quan trắc môi trường và kiểm soát các nguồn thải trên địa bàn KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi			Năm 2019	2.250,00		2.250,00	
2	Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn (rác thải sinh hoạt) trên địa bàn Khu kinh tế Dung Quất.		Bảo đảm vệ sinh môi trường KKT Dung Quất - sạch - đẹp	Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn KKT Dung Quất			Năm 2019	12.000,00		12.000,00	
3	Vận hành các trạm xử lý nước thải, thu gom CTR Đô thị Vạn Tường		Bảo đảm vệ sinh môi trường Khu đô thị Vạn Tường - sạch - đẹp	Quản lý, vận hành, duy tu bảo dưỡng thường xuyên 02 Trạm xử lý nước thải số 04 và số 05..			Năm 2019	1.200,00		1.200,00	
4	Thực hiện các nhiệm vụ quản lý, giám sát bảo vệ môi trường ở KKT Dung Quất và các KCN		Quản lý công tác bảo vệ môi trường, nâng cao nhận	Tổ chức các hoạt động tuyên truyền, hội nghị phổ biến pháp luật về bảo vệ môi trường; kiểm tra,			Năm 2019	1.200,00		1.200,00	

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Cơ sở pháp lý	Mục tiêu	Nội dung thực hiện	Dự kiến sản phẩm	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí (đồng)	Lũy kế đến hết năm 2018	Kinh phí năm 2019 (đồng)	Ghi chú
	Quảng Ngãi		thực về bảo vệ môi trường cho các cá nhân, doanh nghiệp	giám sát công tác bảo vệ môi trường tại các doanh nghiệp,...							
C	Hỗ trợ xử lý ô nhiễm môi trường										
1	Xử lý triệt để các chất thải nguy hại đã chôn lấp tại ô chôn hiện hữu của Khu xử lý chất thải rắn Bình Nguyên						Từ năm 2017	7.339,52	5.960,00	1.379,52	Theo Quyết định 2681/QĐ-UBND D ngày 20/12/2016 ; Kinh phí trả nợ cho năm 2017-2018
								100,00		100,00	
	Khảo sát và xử lý chất độc CS còn tồn lưu sau chiến tranh						Từ tháng 02 đến			100,00	

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Cơ sở pháp lý	Mục tiêu	Nội dung thực hiện	Dự kiến sản phẩm	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí (đồng)	Lũy kế đến hết năm 2018	Kinh phí năm 2019 (đồng)	Ghi chú
							tháng 10				
	Công an tỉnh							666,15		666,15	
	Hoạt động nghiệp vụ điều tra khảo sát, đánh giá tình hình ô nhiễm, tình hình tội phạm và vi phạm pháp luật về môi trường									27,25	
	Thực hiện phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường địa phương; bao gồm hỗ trợ thiết bị và hoạt động về ứng cứu các sự cố môi trường, mua hóa chất phục vụ công tác kiểm định									18,20	
	Hoạt động nghiệp vụ thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường									135,00	
	Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về môi trường; tập huấn; hội nghị chuyên môi nghiệp vụ quản lý Nhà nước về phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm và vi phạm pháp luật khác về môi trường									165,90	
	Chi thưởng, khen thưởng về bảo vệ môi trường cho tổ chức, cá nhân có thành tích đóng góp trong nhiệm vụ bảo vệ môi									4,80	

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Cơ sở pháp lý	Mục tiêu	Nội dung thực hiện	Dự kiến sản phẩm	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí (đồng)	Lũy kế đến hết năm 2018	Kinh phí năm 2019 (đồng)	Ghi chú
	trường được cấp có thẩm quyền quyết định										
	Các hoạt động khác có liên quan đến nhiệm vụ bảo vệ môi trường									315,00	
								83,30	83,30		
	Hội nghị tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ đoàn, hội, đội và lực lượng nòng cốt về các hoạt động BVMT, ứng phó với BĐKH									49,50	
	Hội thảo "Tuổi trẻ Quảng Ngãi tham gia BVMT, ứng phó với bão lụt và BĐKH"									33,80	
								163,00	163,00		
	Tập huấn nâng cao nhận thức, kiến thức BVMT cho cán bộ, hội viên nông dân									114,00	
	Xây dựng các mô hình thu gom bao bì, chai lọ thuốc BVTV sau sử dụng									50,00	
								329,00	329,00		
A	Nhiệm vụ chuyên môn										
1	Nhiệm vụ mới										
	- Quan trắc môi trường	Thông tư 02/2017/TT-BTC	Giám sát chất lượng môi	Quan trắc môi trường nước, không khí	Chất lượng môi trường	Phòng TNMT	Năm 2019	100,00		100,00	

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Cơ sở pháp lý	Mục tiêu	Nội dung thực hiện	Dự kiến sản phẩm	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí (đồng)	Lũy kế đến hết năm 2018	Kinh phí năm 2019 (đồng)	Ghi chú
		ngày 06/01/2017	trường nước, không khí tại địa phương		nước, không khí						
B	Nhiệm vụ thường xuyên										
	Hỗ trợ thu gom, phân loại, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt	Thông tư 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017	Phục vụ công tác thu gom rác thải		Mua thùng đựng rác và xử lý rác thải tại 12 xã, TT	Phòng TNMT, UBND các xã, thị trấn	Năm 2019	900,00		900,00	
	Hỗ trợ thu gom, xử lý chất thải nguy hại đồng ruộng	Thông tư 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017	Thu gom vỏ bao bì thuốc bảo vệ thực vật		Lắp đặt ống bi thu gom vỏ bao bì thuốc BVTV và xử lý	Phòng TNMT	Năm 2019	470,00		470,00	
	Tuyên truyền môi trường	Thông tư 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017	Nâng cao nhận thức của người dân về bảo vệ môi trường		Làm mới, sửa chữa Pano, băng rôn	Phòng TNMT	Năm 2019	450,00		450,00	
	Hoạt động xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường, đề án bảo vệ môi trường đơn giản	Thông tư 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017	Thẩm định, xác nhận hồ sơ môi trường			Phòng TNMT	Năm 2019	30,00		30,00	
	Hỗ trợ xây dựng công trình khí sinh học	Thông tư 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017	Xử lý nước thải trong chăn nuôi		300 hầm biogas	Trạm khuyến nông	Năm 2019	90,00		90,00	
	Báo cáo công tác bảo vệ môi	Thông tư	Báo cáo công			Phòng	Năm	200,00		200,00	

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Cơ sở pháp lý	Mục tiêu	Nội dung thực hiện	Dự kiến sản phẩm	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí (đồng)	Lũy kế đến hết năm 2018	Kinh phí năm 2019 (đồng)	Ghi chú
	trường	19/2016/TTLT-BTC-BTNMT ngày 24/8/2016	tác bvm tại địa phương			TNMT	2019				
	Nạo vét cống rãnh khu vực đô thị	Thông tư 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017	Bảo vệ môi trường tại địa phương			Phòng TNMT	Năm 2019	500,00		500,00	
	Hỗ trợ xử lý ô nhiễm môi trường sau bão, mưa, lũ		Xử lý ô nhiễm môi trường sau bão, mưa, lũ			Phòng TNMT	Năm 2019	200,00		200,00	
	Các nhiệm vụ bảo vệ môi trường khác	Thông tư 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017				Phòng TNMT	Năm 2019	450,00		450,00	
								7.20,00		7.20,00	
I	Nhiệm vụ chuyên môn										
1	Nhiệm vụ thường xuyên										
	Thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt		Trên toàn bộ 11 xã	Thu gom và vận chuyển đến bãi rác Nghĩa Kỳ	10.000 tấn rác/năm	Cty CP Điện và Môi Trường Sơn Tịnh	2019			4.700,00	470.000đ
	Xử lý rác thải sinh hoạt được thu gom		Xử lý đảm bảo quy định	Chi trả tiền cho đơn vị xử lý	10.000 tấn	Phòng TNMT huyện	2019			1.000,00	Giao có mục tiêu
	Báo cáo công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn huyện	Luật BVMT và Thông tư 9/2016/TT-BTNMT		Báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2019	Báo cáo	Phòng TNMT	2019			200,00	

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Cơ sở pháp lý	Mục tiêu	Nội dung thực hiện	Dự kiến sản phẩm	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí (đồng)	Lũy kế đến hết năm 2018	Kinh phí năm 2019 (đồng)	Ghi chú
2	Nhiệm vụ/Dự án mới										
1	Hợp đồng lao động hỗ trợ quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường cấp huyện, xã	Thông tư 02/2017/TT-BTC và Quyết định 15/2018/QĐ-UBND	02 HĐLĐ ở huyện	Hỗ trợ tham mưu về công tác quản lý về bảo vệ môi trường tại UBND huyện và UBND xã		Phòng TNMT	2019			96,4	Lương A1 + 23,5 % bảo hiểm
			01 HĐLĐ ở xã			Phòng TNMT và UBND xã	2019			30,9	1,5 lần lương CS + 23,5 % bảo hiểm
2	Mua 01 xe ép chõ rác chuyên dùng		4 tấn	Mua sắm	Xe ép chõ rác	UBND huyện	2019			1.500,00	
II	Nhiệm vụ thường xuyên										
	Hưởng ứng các ngày lễ, tuần lễ về môi trường;				Các hoạt động hưởng ứng	Phòng TNMT;	2019			100,00	
	Tuyên truyền, phổ biến pháp luật môi trường và nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo vệ môi trường		Nâng cao nhận thức cộng đồng			Phòng TNMT và các Hội, đoàn thể	2019			100,00	

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Cơ sở pháp lý	Mục tiêu	Nội dung thực hiện	Dự kiến sản phẩm	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí (đồng)	Lũy kế đến hết năm 2018	Kinh phí năm 2019 (đồng)	Ghi chú
	Kiểm tra việc chấp hành pháp luật bảo vệ môi trường			Kiểm tra các tổ chức, cá nhân SX - KD - DV		Phòng TNMT;	2019			100,00	
	Xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường		Phục vụ công tác chuyên môn	Mua văn phòng phẩm, vật tư, thiết bị		Phòng TNMT	2019			20,00	
								26.248,12		26.248,12	
A	Nhiệm vụ chuyên môn										
	<i>Nhiệm vụ mới</i>										
1	Báo cáo điều tra, đánh giá hiện trạng môi trường huyện		Điều tra, tạo dữ liệu nền phục vụ công tác quản lý Nhà nước về BVMT; Phòng ngừa, kiểm soát ô nhiễm			Phòng Tài nguyên và Môi trường	2019			500,00	
2	Khảo sát, đánh giá thực trạng phát sinh chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện		Điều tra, tạo dữ liệu phục vụ công tác quản lý Nhà nước			Phòng Tài nguyên và Môi trường	2019			200,00	
3	Hỗ trợ dự án đầu tư, xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải tại cụm CN Bình Nguyên		Kiểm soát ô nhiễm, xử lý nước thải			Ban quản lý các Cụm công nghiệp huyện	2019			8.000,00	

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Cơ sở pháp lý	Mục tiêu	Nội dung thực hiện	Dự kiến sản phẩm	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí (đồng)	Lũy kế đến hết năm 2018	Kinh phí năm 2019 (đồng)	Ghi chú
4	Hỗ trợ xây dựng và duy trì hoạt động mô hình bảo vệ môi trường, thu gom rác thải, làm sạch bãi biển,..		Tuyên truyền, nâng cao nhận thức cộng đồng			Phòng Tài nguyên và Môi trường	2019			500,00	
5	Báo cáo công tác bảo vệ môi trường các xã trên địa bàn huyện (25 xã, thị trấn).		Điều tra, tạo dữ liệu nền phục vụ công tác quản lý Nhà nước về BVMT; Phòng ngừa, kiểm soát ô nhiễm			Phòng Tài nguyên và Môi trường	2019			7.500,00	
6	Kinh phí thu gom, xử lý rác thải xã Bình Mỹ		Xử lý rác thải			Đội quản lý Trật tự đô thị huyện	2019			796,25	
7	Hỗ trợ điều tra, khảo sát, đánh giá các khu vực bị nhiễm độc chất độc hóa học Da cam - Ddioxin thuộc địa bàn huyện Bình Sơn		Điều tra, tạo dữ liệu nền phục vụ công tác quản lý Nhà nước về BVMT; Phòng ngừa, kiểm soát ô nhiễm			Phòng Tài nguyên và Môi trường và Hội nạn nhân chất độc Da cam - Ddioxin huyện	2019			500,00	

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Cơ sở pháp lý	Mục tiêu	Nội dung thực hiện	Dự kiến sản phẩm	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí (đồng)	Lũy kế đến hết năm 2018	Kinh phí năm 2019 (đồng)	Ghi chú
8	Hợp đồng cán bộ làm công tác bảo vệ môi trường cấp huyện và cấp xã (thí điểm)		Tăng cường năng lực quản lý môi trường			Phòng Tài nguyên và Môi trường	2019			400,00	
9	Chi các hoạt động đột xuất, xử lý môi trường		Xử lý môi trường			Phòng Tài nguyên và Môi trường	2019			50,00	
B	Nhiệm vụ thường xuyên						2019				
1	Kinh phí thu gom, xử lý rác thải trên địa bàn thị trấn Châu Ô		Xử lý rác thải			UBND thị trấn Châu Ô	2019			3.000,00	
	Kinh phí thu gom, xử lý rác thải trên địa bàn 03 xã Bình Dương, Bình Trung, Bình Thanh Đông		Xử lý rác thải			Đội quản lý Trật tự đô thị huyện	2019			3.396,87	
2	Kinh phí tổ chức các hoạt động hưởng ứng ngày môi trường thế giới 5/6, tuần lễ biển và hải đảo, chiến dịch làm cho thế giới sạch hơn 22/9...		Tuyên truyền, nâng cao nhận thức cộng đồng			Phòng Tài nguyên và Môi trường; UBND các xã, thị trấn	2019			276,00	
3	Hỗ trợ công tác kiểm tra Kế hoạch BVMT, đề án BVMT định kỳ, đột xuất và thẩm định		Phòng ngừa, kiểm soát ô nhiễm			Phòng Tài nguyên	2019			100,00	

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Cơ sở pháp lý	Mục tiêu	Nội dung thực hiện	Dự kiến sản phẩm	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí (đồng)	Lũy kế đến hết năm 2018	Kinh phí năm 2019 (đồng)	Ghi chú
	hồ sơ Kế hoạch BVMT, đề án BVMT					và Môi trường					
4	Chi phí lấy mẫu quan trắc, trả lời kiến nghị cử tri		Phòng ngừa, kiểm soát ô nhiễm			Phòng Tài nguyên và Môi trường	2019			50,00	
5	Kinh phí phòng ngừa, khắc phục sự cố môi trường		Phòng ngừa, kiểm soát ô nhiễm			Phòng Tài nguyên và Môi trường; UBND các xã, thị trấn	2019			231,00	
6	Báo cáo quan trắc môi trường cụm CN Bình Nguyên		Kiểm soát ô nhiễm			Ban quản lý các Cụm công nghiệp huyện	2019			85,00	
7	Xử lý tình trạng ô nhiễm môi trường, các điểm nóng môi trường		Xử lý ô nhiễm môi trường			Phòng Tài nguyên và Môi trường; UBND các xã, thị trấn	2019			658,00	
								62.907,00	23.257	39.650,00	

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Cơ sở pháp lý	Mục tiêu	Nội dung thực hiện	Dự kiến sản phẩm	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí (đồng)	Lũy kế đến hết năm 2018	Kinh phí năm 2019 (đồng)	Ghi chú
A	Nhiệm vụ chuyên môn										
1	Nhiệm vụ chuyển tiếp										
	Mua thùng rác	Theo chức năng, nhiệm vụ	Môi trường xanh sạch đẹp	Mua thùng rác	Môi trường xanh sạch đẹp	Đội vệ sinh môi trường		99,00	99,00	0,00	
2	Nhiệm vụ mở mới										
1	Sửa chữa lớn 03 xe cuốn ép rác	Theo chức năng, nhiệm vụ	An toàn khi tham gia giao thông	Sửa chữa lớn xe	Xe hoạt động đảm bảo	Đội vệ sinh môi trường		200,00	200,00	0,00	
B	Nhiệm vụ thường xuyên										
1	Hỗ trợ tiền công lao động thường xuyên	Theo chức năng, nhiệm vụ	Đảm bảo tiền công cho người lao động của Đội Vệ sinh môi trường và xử lý bãi rác đúng quy định	Hỗ trợ tiền công lao động thường xuyên	Môi trường xanh sạch đẹp	Đội vệ sinh môi trường		3.872,00	3.872,00	0,00	
2	Hỗ trợ xử lý bãi rác phía Nam huyện tại xã Phò Thạnh	nt	Môi trường xanh sạch đẹp	Hỗ trợ xử lý bãi rác phía Nam huyện	Môi trường xanh sạch đẹp	Đội vệ sinh môi trường	2018	1.000,00	1.000,00	0,00	
3	Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật để nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo vệ môi	nt	Nâng cao nhận thức pháp luật về	Tập huấn, làm băng rôn và pano tuyên truyền và thanh tra ...	Môi trường xanh	Phòng Tài nguyên	2019	1.372,30	372,30	1.000,00	

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Cơ sở pháp lý	Mục tiêu	Nội dung thực hiện	Dự kiến sản phẩm	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí (đồng)	Lũy kế đến hết năm 2018	Kinh phí năm 2019 (đồng)	Ghi chú
	trường; Xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường, xác nhận đề án bảo vệ môi trường đơn giản trên địa bàn huyện và thanh tra kiểm tra việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường đối với tổ chức cá nhân thuộc thẩm quyền ...		bảo vệ môi trường		sạch đẹp	và Môi trường					
4	Quan trắc môi trường và lập báo cáo giám sát định kỳ hiện trạng môi trường	nt	Giám sát hiện trạng môi trường	Quan trắc môi trường và lập báo cáo giám sát định kỳ hiện trạng môi trường	kết quả mẫu quan trắc	Phòng Tài nguyên và Môi trường	2018-2019	1.457,70	457,70	1.000,00	
5	Hợp đồng lao động để thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ công tác bảo vệ môi trường cấp huyện	nt	Hoàn thành nhiệm vụ được giao	Thực hiện nhiệm vụ công tác bảo vệ môi trường	Môi trường xanh sạch đẹp	Phòng Tài nguyên và Môi trường	2019	50,00	0,00	50,00	
6	Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường trên địa bàn; Xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường, giữ gìn vệ sinh môi trường trên địa bàn xã; Hoạt động giảm thiểu, thu gom, vận chuyển, tái chế, xử lý rác thải trên địa bàn xã; Hợp đồng lao động để thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ công tác bảo	nt	Nâng cao nhận thức pháp luật về bảo vệ môi trường	Tuyên truyền	Môi trường xanh sạch đẹp	UBND các xã, thị trấn	2019	2.012,00	1.012,00	1.000,00	

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Cơ sở pháp lý	Mục tiêu	Nội dung thực hiện	Dự kiến sản phẩm	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí (đồng)	Lũy kế đến hết năm 2018	Kinh phí năm 2019 (đồng)	Ghi chú
	vệ môi trường cấp xã										
7	Xử lý ô nhiễm môi trường ở các điểm nóng tại 15 xã, thị trấn		Môi trường Xanh - sạch - đẹp	Xử lý ô nhiễm môi trường ở các điểm nóng tại 15 xã, thị trấn	Môi trường xanh sạch đẹp	UBND các xã, thị trấn và Phòng TN&MT	2019	2.000,00	0,00	2.000,00	
8	Xử lý ô nhiễm môi trường sau mưa lũ trên địa bàn huyện		Môi trường Xanh - sạch - đẹp	Xử lý ô nhiễm môi trường sau mưa lũ trên địa bàn huyện	Môi trường xanh sạch đẹp	UBND 15 xã, thị trấn và Phòng TN&MT	2019	2.000,00	0,00	2.000,00	
9	Phòng chống tội phạm về môi trường	nt	Nâng cao nhận thức pháp luật về bảo vệ môi trường	Phòng chống tội phạm về môi trường	Bảo vệ môi trường	Công an huyện	2019	700,00	200,00	500,00	
10	Hỗ trợ xử lý rác bằng công nghệ đốt (thực hiện theo Phương án xã hội hóa theo Quyết định số 2264/QĐ-UBND ngày 09/6/2017 của UBND huyện Đức Phổ) 50 tấn rác /1 ngày x 30 ngày x 12 tháng = 18.000 tấn/năm	Theo QĐ số 2264/QĐ-UBND ngày 09/6/2017 của UBND huyện	Môi trường Xanh - sạch - đẹp	Hỗ trợ xử lý rác bằng công nghệ đốt	Môi trường xanh sạch đẹp	Phòng Kinh tế - Hạ tầng	2019	15.144,00	7.044,00	8.100,00	Đơn giá ước tính 450.000đ/tấn rác
11	Hỗ trợ dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt (Đơn giá theo Quyết định số 756/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của UBND tỉnh	Theo QĐ số 759/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của UBND tỉnh	Môi trường Xanh - sạch - đẹp	Hỗ trợ dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt	Môi trường xanh sạch đẹp	Phòng Kinh tế - Hạ tầng	2019	11.500,00	6.500,00	5.000,00	Đơn giá 428.000 (đã

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Cơ sở pháp lý	Mục tiêu	Nội dung thực hiện	Dự kiến sản phẩm	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí (đồng)	Lũy kế đến hết năm 2018	Kinh phí năm 2019 (đồng)	Ghi chú
	Quảng Ngãi) 50 tấn rác/1 ngày x 30 ngày x 12 tháng = 18.000 tấn rác /năm										trừ thu phí) đ/tấn rác
12	Hỗ trợ xử lý lượng rác còn tồn đọng tại Bãi rác Phở Thanh bằng công nghệ đốt 20.000 tấn rác x 450.000đ/tấn rác		Môi trường Xanh - sạch - đẹp	Hỗ trợ xử lý lượng rác còn tồn đọng tại Bãi rác Phở Thanh bằng công nghệ đốt	Môi trường xanh sạch đẹp	Phòng Kinh tế - Hạ tầng	2019	11.500,00	2.500,0 0	9.000,00	Đơn giá ước tính 450.0 00 đ/tấn rác
13	Hỗ trợ xử lý ô nhiễm môi trường tại Cụm công nghiệp Sa Huỳnh		Môi trường Xanh - sạch - đẹp	Hỗ trợ xử lý ô nhiễm môi trường tại Cụm công nghiệp Sa Huỳnh	Môi trường xanh sạch đẹp	UBND huyện	2019	10.000,00	0,00	10.000,00	
								7.950,00		7.950,00	
A	Nhiệm vụ chuyên môn										
1	Nhiệm vụ chuyên tiếp										
1.1	Hỗ trợ đầu tư các bể chứa bao, gói thuốc bảo vệ thực vật đã qua sử dụng trên tất cả các cánh đồng trên địa bàn huyện	Thông tư liên tịch số 05/2016/TTLT- BNNPTNT- BTNMT ngày 16/5/2016 của Bộ nông nghiệp và phát triển nông	- Mua sắm, đặt các bể chứa bao, gói thuốc bảo vệ thực vật đã qua sử dụng trên tất cả cánh đồng	- Các xã, thị trấn xác định vị trí đặt bể - Mua sắm, đặt các bể chứa đựng bao, gói thuốc bảo vệ thực vật đã qua sử dụng	Dung tích bể chứa khoảng 0,5 - 01 m3, có nắp đậy kín.	UBND các xã, thị trấn	Năm 2019	1000		1000	

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Cơ sở pháp lý	Mục tiêu	Nội dung thực hiện	Dự kiến sản phẩm	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí (đồng)	Lũy kế đến hết năm 2018	Kinh phí năm 2019 (đồng)	Ghi chú
		thôn và Bộ tài nguyên và môi trường hướng dẫn việc thu gom, xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng	trên địa bàn huyện - Trung bình 03 ha diện tích canh tác lúa có 01 bể chứa bao, gói thuốc bảo vệ thực vật đã qua sử dụng								
B	Nhiệm vụ thường xuyên										
1	Hỗ trợ bù lỗ hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, trong đó có hợp đồng với Công ty TNHH thương mại và công nghệ môi trường MD thu gom, xử lý rác thải tại 05 xã phía Nam của huyện, xử lý tại nhà máy xử lý rác thải tại Đức Phò)	Quyết định số 303/QĐ-UBND ngày 05/3/2013 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Đề án bảo vệ môi trường tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2013 - 2015 và định hướng đến năm 2020 và Quyết định số 777/QĐ-UBND ngày 04/6/2013 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc ban hành kế hoạch thực hiện một số vấn đề cấp	- Nâng tỷ lệ rác thải sinh hoạt được thu gom, xử lý lên 67% vào năm 2019 - Ngăn ngừa, giảm thiểu phát sinh các điểm nóng về rác thải - Đảm bảo kinh phí hoạt động cho các đơn vị thu gom, xử lý rác thải	- Thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt dọc các trục lộ giao thông chính, tại các khu dân cư tập trung, các cụm công nghiệp, các điểm nóng về rác thải trên địa bàn huyện - Bù lỗ hoạt động thu gom, xử lý rác thải trên địa bàn huyện	- Đến cuối năm 2019, tỷ lệ rác thải sinh hoạt trên địa bàn huyện được thu gom, xử lý đạt trên 67%. - Tất cả 13 xã, thị trấn của huyện đều có nơi xử lý rác thải - Các đơn vị làm nhiệm vụ	Hạt Quản lý và Sira chữa đường bộ huyện, UBND các xã, thị trấn	Năm 2019	5500		5.500	

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Cơ sở pháp lý	Mục tiêu	Nội dung thực hiện	Dự kiến sản phẩm	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí (đồng)	Lũy kế đến hết năm 2018	Kinh phí năm 2019 (đồng)	Ghi chú
		bách trong lĩnh vực bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh từ nay đến năm 2020			thu gom, xử lý rác thải đảm bảo kinh phí hoạt động, đảm bảo thu nhập ổn định cho người lao động						
2	Truyền thông nâng cao nhận thức cộng đồng	Kế hoạch số 565/KH-UBND ngày 07/02/2017 về việc thực hiện Chi thị số 25/CT-TTg ngày 31/8/2016 của TTCP và Quyết định số 2807/QĐ-BTNMT ngày 06/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về một số nhiệm vụ, giải pháp cấp bách bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi	- Nâng cao nhận thức của cộng đồng về công tác bảo vệ môi trường, chấp hành nghiêm qui định của pháp luật về bảo vệ môi trường, giảm thiểu hành vi gây ô nhiễm môi trường, người dân tích cực tham gia đổ bỏ rác thải và nộp phí vệ sinh đúng qui định	- Thực hiện chương trình phát thanh tài nguyên môi trường và biển đảo trên hệ thống đài truyền thanh huyện, xã- Tổ chức các hoạt động truyền thông hưởng ứng nhân các ngày lễ về môi trường Ngày nước thế giới 22/3, Ngày đa dạng sinh học 22/5, tháng hành động vì môi trường, Ngày môi trường thế giới 05/6, Tuần lễ Biên và Hải đảo Việt Nam từ 01/6 – 08/6 và Ngày Đại dương thế giới 08/6, Chiến dịch làm cho thế giới sạch hơn 22/9 theo chủ đề của từng năm- Xây dựng mô hình 07 khu dân	- Chuyên mục phát thanh TNMT định kỳ 01 chương trình/tuần.- Các hoạt động hưởng ứng các ngày lễ về môi trường như treo băng ron, poster tuyên truyền, tổ chức dọn	Phòng TN&MT huyện, Đài truyền thanh, UBND các xã, thị trấn, UBMTT QVN huyện, các Hội, Đoàn thể huyện	Năm 2019	450,00		450,00	

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Cơ sở pháp lý	Mục tiêu	Nội dung thực hiện	Dự kiến sản phẩm	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí (đồng)	Lũy kế đến hết năm 2018	Kinh phí năm 2019 (đồng)	Ghi chú
				<p>chư bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu- Xây dựng các pa nô tuyên truyền về môi trường</p>	<p>vệ sinh, thu gom, xử lý rác thải, xử lý thảm mục tại rừng dương ven biển- Các lớp tập huấn do các hội, đoàn thể tổ chức- Các pa nô tuyên truyền về môi trường</p>						
2	Tăng cường công tác kiểm tra việc thực thi pháp luật bảo vệ môi trường	<p>Kế hoạch số 565/KH-UBND ngày 07/02/2017 về việc thực hiện Chi thị số 25/CT-TTg ngày 31/8/2016 của TTCP và Quyết định số 2807/QĐ-BTNMT ngày 06/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về một số</p>	<p>- Kiểm tra các cơ sở SX, KD, DV trên địa bàn huyện, phát hiện và xử lý kịp thời các tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm và công khai trên hệ thống đài truyền thanh huyện, xã</p>	<p>- Ban hành chương trình kiểm tra định kỳ hàng năm của UBND huyện - Thành lập đoàn kiểm tra liên ngành tổ chức kiểm tra, tham mưu xử lý nghiêm hành vi vi phạm nếu có</p>	<p>- Chương trình kiểm tra định kỳ. - Kết luận kiểm tra của phòng Tài nguyên và Môi trường huyện. - Các quyết định xử phạt nếu có</p>	<p>Công an huyện, phòng Tài nguyên và Môi trường huyện, UBND các xã, thị trấn.</p>	<p>Năm 2019</p>	<p>50</p>	<p>50</p>		

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Cơ sở pháp lý	Mục tiêu	Nội dung thực hiện	Dự kiến sản phẩm	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí (đồng)	Lũy kế đến hết năm 2018	Kinh phí năm 2019 (đồng)	Ghi chú
		nhiệm vụ, giải pháp cấp bách bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi	- Góp phần ngăn ngừa tình trạng gây ô nhiễm môi trường sống của cộng đồng do hành vi vi phạm hành chính về bảo vệ môi trường của các tổ chức, cá nhân gây ra								
3	Hỗ trợ lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2019 của UBND huyện Mộ Đức và 13 xã, thị trấn của huyện	Thông tư số 19/2016/TT-BTNMT ngày 24/8/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về báo cáo công tác bảo vệ môi trường	- Đánh giá hiện trạng, diễn biến các thành phần môi trường trên địa bàn huyện - Đánh giá tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn huyện năm 2019 - Phương hướng và giải pháp bảo vệ môi trường	- Lập trình phê duyệt đề cương và dự toán kinh phí thực hiện - Hợp đồng với đơn vị tư vấn để thực hiện - Nghiệm thu kết quả thực hiện	Báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2019 của UBND huyện Mộ Đức	Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện, UBND 13 xã, thị trấn	Năm 2019	800		800	

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Cơ sở pháp lý	Mục tiêu	Nội dung thực hiện	Dự kiến sản phẩm	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí (đồng)	Lũy kế đến hết năm 2018	Kinh phí năm 2019 (đồng)	Ghi chú
			trong năm tới (2020)								
4	Tổ chức phân tích một số mẫu nước ngầm có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường theo đề nghị của các xã, thị trấn để khuyến cáo đến người dân	Theo đề nghị của các xã, thị trấn	Đánh giá mức độ ô nhiễm của một số mẫu nước ngầm trên địa bàn huyện	Trên cơ sở đề nghị của các xã, thị trấn, phòng Tài nguyên và Môi trường huyện phối hợp với đơn vị tư vấn lấy và phân tích một số mẫu nước ngầm để đưa ra khuyến cáo đối với người dân	Các kết quả phân tích	Phòng Tài nguyên và Môi trường	Năm 2019	150		150	
15	Huyện Tư Nghĩa							6.978,10		6.978,10	
I	Công tác truyền thông môi trường									97,00	
II	Quản lý rác thải thông thường trên địa bàn huyện Tư Nghĩa										
1	Hỗ trợ cho 15/15 xã, thị trấn trong công tác rà soát thống kê số lượng các hộ, cơ quan, tổ chức và chợ tham gia xử lý rác thải thông thường.									65,00	
2	Hỗ trợ kinh phí quan trắc môi trường trên địa bàn huyện (02 lần/năm)									190,00	
3	Hỗ trợ kinh phí chi trả cho công tác thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt (tổng khối lượng rác thải cần xử lý là 25.000tấn/năm)									5.800,00	

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Cơ sở pháp lý	Mục tiêu	Nội dung thực hiện	Dự kiến sản phẩm	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí (đồng)	Lũy kế đến hết năm 2018	Kinh phí năm 2019 (đồng)	Ghi chú
III	Nhiệm vụ thực hiện các dự án										
1	Hỗ trợ biện pháp quản lý, xử lý ô nhiễm môi trường làng nghề bún tại thôn Phú Mỹ, xã Nghĩa Mỹ									500,00	
2	Hỗ trợ công tác điều tra, đánh giá và bảo tồn đa dạng sinh học trên địa bàn huyện, hỗ trợ xử lý sinh vật ngoại lai.									300,00	
IV	Chi phí cho tham dự các lớp tập huấn nâng cao trình độ cho cán bộ, chuyên viên Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Tư Nghĩa trong công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường									26,10	
Huyện Minh Long								3.025,00		3.025,00	
1	Công tác kiểm soát ô nhiễm môi trường, phòng ngừa, ứng phó khắc phục sự cố môi trường	Khoản 1, Điều 3, Nghị quyết 54/2017/NQ-HĐND ngày 09/12/2017	Kiểm soát chất lượng môi trường tại địa phương	Kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy chuẩn môi trường; Chương trình tập huấn về an toàn lao động và môi trường, quy trình sử dụng thuốc trừ sâu	Kiểm soát phát thải và chất thải vào không khí, nước và đất	Phòng TNMT	Năm 2019	50,00		50,00	
2	Công tác quản lý chất thải: Điều tra, đánh giá nguồn ô nhiễm, đánh giá sức chịu tải môi trường, thống kê, cập nhập tình hình phát sinh chất thải	Khoản 2, Điều 3, Nghị quyết 54/2017/NQ-HĐND ngày 09/12/2017	Quản lý chất thải	Điều tra, đánh giá nguồn ô nhiễm, đánh giá sức chịu tải môi trường, thống kê, cập nhập tình hình phát sinh chất thải	Công tác quản lý chất thải tốt hơn	Phòng TNMT	Năm 2019	80,00		80,00	

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Cơ sở pháp lý	Mục tiêu	Nội dung thực hiện	Dự kiến sản phẩm	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí (đồng)	Lũy kế đến hết năm 2018	Kinh phí năm 2019 (đồng)	Ghi chú
3	Hỗ trợ các hộ dân xây dựng hầm biogas	Khoản 12, Điều 3, Nghị quyết 54/2017/NQ-HĐND ngày 09/12/2017	Xử lý chất thải chăn nuôi	Xây dựng Hầm Biogas	10 hầm Biogas	Phòng TNMT	Năm 2019	50,00		50,00	
4	Chỉ cho công tác thu gom, vận chuyển xử lý rác thải trên địa bàn huyện	Khoản 3, Điều 3, Nghị quyết 54/2017/NQ-HĐND ngày 09/12/2017	Xử lý rác thải sinh hoạt	Thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải	Xử lý rác thải sinh hoạt	Phòng KT-HT	Năm 2018	400,00		400,00	
5	Kiểm tra công tác bảo vệ môi trường tại các đơn vị	Khoản 8, Điều 3, Nghị quyết 54/2017/NQ-HĐND ngày 09/12/2017	Thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về BVMT	Đi kiểm tra thực tế các cơ sở dịch vụ kinh doanh trên địa bàn huyện	Thực hiện theo Luật BVMT	Phòng TNMT, Công an huyện	Năm 2019	30,00		30,00	
6	Mua thùng rác công cộng	Khoản 4, Điều 3, Nghị quyết 54/2017/NQ-HĐND ngày 09/12/2017	Trang bị thiết bị công tác thu gom rác thải	Hợp đồng với tư vấn cung cấp thùng rác	Thùng rác công cộng	Phòng TNMT	Năm 2019	95,00		95,00	
7	Tuyên truyền hưởng ứng các ngày Lễ về môi trường năm 2019	Khoản 6, Điều 3, Nghị quyết 54/2017/NQ-HĐND ngày 09/12/2017	Nâng cao nhận thức cộng đồng	Tổ chức lễ ra quân dọn vệ sinh, đi diễn hành, treo băng rôn, pano tuyên truyền bảo vệ môi trường	Nâng cao nhận thức cộng đồng	Phòng TNMT, Huyện đoàn,	Năm 2019	200,00		200,00	
8	Chi kinh phí thẩm định kế hoạch bảo vệ môi trường, đề án bảo vệ môi trường đơn giản	Khoản 7, Điều 3, Nghị quyết 54/2017/NQ-HĐND ngày 09/12/2017	Thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về BVMT	Thẩm định	Giấy xác nhận	Phòng TNMT	Năm 2019	30,00		30,00	

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Cơ sở pháp lý	Mục tiêu	Nội dung thực hiện	Dự kiến sản phẩm	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí (đồng)	Lũy kế đến hết năm 2018	Kinh phí năm 2019 (đồng)	Ghi chú
9	Hỗ trợ chi sự nghiệp môi trường cho 05 xã	Điều 4, Nghị quyết 54/2017/NQ-HĐND ngày 09/12/2017	Quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường cấp xã	Thực hiện công tác bảo vệ môi trường cấp xã	Bảo vệ môi trường	05 xã trên địa bàn huyện	Năm 2019	200,00		200,00	
10	Khắc phụ ô nhiễm môi trường sau lũ lụt	Khoản 12, Điều 3, Nghị quyết 54/2017/NQ-HĐND ngày 09/12/2017	Xử lý môi trường	Thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải (kể cả xác động vật)	Môi trường sạch đẹp	Phòng TNMT	Năm 2019	200,00		200,00	
11	Hợp đồng lao động thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ công tác BVMT	Khoản 10, Điều 3, Nghị quyết 54/2017/NQ-HĐND ngày 09/12/2017	Quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường	Công tác quản lý, bảo vệ môi trường cấp huyện	Nguồn nhân lực	Phòng TNMT	Năm 2019	40,00		40,00	
12	Tuyên truyền, giáo dục pháp luật, đa dạng sinh học, tập huấn chuyên môn nghiệp vụ về đa dạng sinh học	Khoản 11, Điều 3, Nghị quyết 54/2017/NQ-HĐND ngày 09/12/2017	Công tác bảo tồn đa dạng sinh học	Công tác quản lý	Bảo tồn đa dạng sinh học	Phòng TNMT	Năm 2019	30,00		30,00	
13	Các hoạt động bảo vệ môi trường khác thuộc trách nhiệm cấp huyện	Khoản 9, 12, Điều 3, Nghị quyết 54/2017/NQ-HĐND ngày 09/12/2017	Quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường	Khắc phục sự cố môi trường (nếu có, đặt các biển báo cấm vứt rác, chỉ hoạt động Ban chỉ đạo, Ban điều hành, chỉ giải thưởng môi trường,		Phòng TNMT	Năm 2019	50,00		50,00	
14	Xử lý môi trường các khu dân cư	Khoản 12, Điều 3, Nghị quyết 54/2017/NQ-HĐND ngày	Xử lý môi trường	Thoát nước sinh hoạt khu dân cư	Hệ thống thoát nước	Phòng TNMT	Năm 2019	1.500,00		1.500,00	

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Cơ sở pháp lý	Mục tiêu	Nội dung thực hiện	Dự kiến sản phẩm	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí (đồng)	Lũy kế đến hết năm 2018	Kinh phí năm 2019 (đồng)	Ghi chú
		09/12/2017									
15	Xây dựng báo cáo hiện trạng môi trường năm 2019	Khoản 5, Điều 3, Nghị quyết 54/2017/NQ-HĐND ngày 09/12/2017	Xây dựng duy trì hoạt động hệ thống thông tin, dữ liệu môi trường	Thống kê, lập báo cáo môi trường	Số liệu báo cáo	Phòng TNMT	Năm 2019	40,00		40,00	
17	Huyện Trà Bồng							6.933,00		6.933,00	
1	Xây dựng giếng nước để lấy mẫu nước ngầm tại Khu xử lý rác thải thị trấn Trà Xuân		Trang bị kiến thức về môi trường cho đơn vị vận hành khu xử lý rác thải	Thuê đơn vị tư vấn có chức năng khoan giếng			Khoảng thời gian từ tháng 1 đến tháng 6/2019			70,00	
2	Kiểm tra công tác bảo vệ môi trường tại các đơn vị		Thực hiện đúng theo Luật bảo vệ môi trường và các văn bản dưới luật (những nội dung cam kết trong ĐTM và Kế hoạch, Đề án bảo vệ môi	Thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về BVMT tại các dự án: + Hợp đồng lấy mẫu phân tích các chỉ tiêu môi trường khi phát hiện đơn vị có sai phạm.			Trong năm 2019			40,00	

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Cơ sở pháp lý	Mục tiêu	Nội dung thực hiện	Dự kiến sản phẩm	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí (đồng)	Lũy kế đến hết năm 2018	Kinh phí năm 2019 (đồng)	Ghi chú
			trường)								
3	Tổ chức lấy mẫu quan trắc tại Khu xử lý rác thải thị trấn Trà Xuân		Đánh giá khả năng tiếp nhận và đề xuất các biện pháp quản lý tổng hợp chất lượng nước mặt, nước ngầm, không khí xung quanh khu xử lý rác	Thuê đơn vị tư vấn có chức năng nhằm điều tra, quan trắc và chất lượng nguồn nước ngầm, nước mặt, không khí xung quanh khu xử lý rác			Trong năm 2019			25,00	
4	Chỉ cho công tác thu gom, xử lý rác thải trên địa bàn huyện		Xử lý rác thải sinh hoạt, rác thải trong nông nghiệp tạo cảnh quan môi trường xanh - sạch - đẹp	- Thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải - Mua sắm trang thiết bị phục vụ công tác - Hỗ trợ các đơn vị, xã, thị trấn trong công tác xử lý rác thải			Trong năm 2019			2.048,00	
5	Hỗ trợ công tác nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo vệ môi trường		Nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo vệ môi trường	- Hỗ trợ công tác nâng cao nhận thức cộng đồng bằng tiếng Cor, triển khai Luật Bảo vệ môi trường. - Làm pano môi trường. - Đào tạo nâng cao trình độ, chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ quản lý môi trường.			Trong năm 2019			100,00	

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Cơ sở pháp lý	Mục tiêu	Nội dung thực hiện	Dự kiến sản phẩm	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí (đồng)	Lũy kế đến hết năm 2018	Kinh phí năm 2019 (đồng)	Ghi chú
				- Hoạt động hưởng ứng Tết trồng cây; Tuần lễ Biển và Hải đảo; Giờ Trái Đất; Ngày Môi trường thế giới (05/6); Ngày Đa dạng sinh học (22/5); Ngày Đại dương thế giới; Chiến dịch làm cho thế giới sạch hơn (22/9)							
6	Trang bị máy móc, thiết bị phục vụ test nhanh các chỉ tiêu môi trường		Đáp ứng đủ điều kiện làm việc của Phòng TN&MT huyện	Thực hiện nghiệp vụ kiểm tra nhanh phát hiện những chỉ tiêu vượt quy chuẩn			Trong năm 2019			50,00	
7	Xây dựng Hồ chứa rác thải số 2		Giải quyết tình trạng rác thải tồn đọng khi hồ rác số 1 đầy	Thuê đơn vị có chức năng thực hiện			Trong năm 2019			1.500,00	
8	Thực hiện đóng cửa hồ chôn lấp số 1		Xử lý triệt để tình trạng ô nhiễm, tạo cảnh quang môi trường Khu xử lý rác	Thuê đơn vị có chức năng thực hiện			Trong năm 2019			600,00	
9	Xây dựng lò đốt rác tại xã Trà Phú (xã dự kiến đạt chuẩn nông thôn mới năm 2020)		Xử lý rác thải sinh hoạt	Thuê đơn vị có chức năng thực hiện			Trong năm 2019			2.500,00	

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Cơ sở pháp lý	Mục tiêu	Nội dung thực hiện	Dự kiến sản phẩm	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí (đồng)	Lũy kế đến hết năm 2018	Kinh phí năm 2019 (đồng)	Ghi chú
							-2020				
18	Huyện Sơn Tây							5.620,00		5.620,00	
1	Kiểm tra công tác BVMT tại các công trình dự án trên địa bàn huyện		Trang bị kiến thức bảo vệ môi trường cho các chủ dự án	Hợp đồng đơn vị lấy mẫu phân tích các chỉ tiêu môi trường khi phát hiện sai phạm.			Tron g năm 2019			20,00	
2	Báo cáo công tác bảo vệ môi trường theo Thông tư số 19/2016/TT-BTNMT ngày 24/8/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường		Đảm bảo tiến độ tổng hợp số liệu theo đúng thời gian quy định	Thuê đơn vị tư vấn có chức năng nhằm điều tra tổng hợp báo cáo.			Quý IV năm 2019			300,00	
3	Tổ chức lấy mẫu quan trắc tại hồ rác xã Sơn Tân và xã Sơn Tinh		Đánh giá khả năng tiếp nhận và xử lý rác, quản lý tổng hợp số liệu về chất lượng nước mặt, nước ngầm và không khí xung quanh hồ rác	Thuê đơn vị tư vấn có chức năng quan trắc chất lượng nước mặt, nước ngầm và không khí xung quanh hồ rác.			Tron g năm 2019			50,00	
4	Chi mua xe ép rác		Đảm bảo công tác thu gom rác được tốt hơn				Quý I năm 2019			2.500,00	
5	Chi công tác thu gom, xử lý rác		Xử lý rác thải	- Thu gom vận chuyển và			Tron			2.400,00	

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Cơ sở pháp lý	Mục tiêu	Nội dung thực hiện	Dự kiến sản phẩm	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí (đồng)	Lũy kế đến hết năm 2018	Kinh phí năm 2019 (đồng)	Ghi chú
	thải trên địa bàn huyện		sinh hoạt, bảo đảm môi trường xanh - sạch - đẹp.	xử lý rác thải. - Mua sắm trang thiết bị phục vụ công tác thu gom rác. - Hỗ trợ các đơn vị xã trong công tác xử lý rác thải.			g năm 2019				
6	Hỗ trợ công tác nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo vệ môi trường		Nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo vệ môi trường	Treo băng rôn, pano, áp phích, phát tờ rơi tuyên truyền các ngày: Ngày Nước thế giới, Ngày Khí tượng thế giới và Giờ Trái đất, Ngày Môi trường thế giới (5/6), Ngày Đa dạng sinh học (22/5), Tuần lễ Quốc gia nước sạch và Vệ sinh môi trường (từ ngày 29/4 đến ngày 6/5), Chiến dịch Làm cho thế giới sạch hơn ...			Tron g năm 2019			100,00	
7	Chi lấy mẫu nước mặt phân tích tại các điểm cấp nước sinh hoạt trên địa bàn huyện		Đánh giá chất lượng nguồn nước cấp sinh hoạt	Thuê đơn vị tư vấn có chức năng quan trắc chất lượng nước mặt			Tron g năm 2019			250,00	
19	Huyện Sơn Hà							8.570,00		8.570,00	
1	Tuyên truyền trực quan về công tác Bảo vệ môi trường trên địa bàn huyện		Tuyên truyền Luật BVMT và các văn bản dưới luật	Phối hợp với Phòng Văn hóa thông tin huyện triển khai công tác tuyên truyền, xây dựng pa nô, áp			Hàng quý			20,00	Sự nghiệp p môi trườn

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Cơ sở pháp lý	Mục tiêu	Nội dung thực hiện	Dự kiến sản phẩm	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí (đồng)	Lũy kế đến hết năm 2018	Kinh phí năm 2019 (đồng)	Ghi chú
			(những nội dung cam kết trong ĐTM và Kế hoạch bảo vệ môi trường	phích							g huyện
2	Kiểm tra công tác BVMT tại các đơn vị		Trang bị kiến thức về môi trường cho doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh trên địa bàn huyện	Thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về BVMT tại các dự án: Hợp đồng đơn vị lấy mẫu phân tích các chỉ tiêu môi trường khi phát hiện đơn vị có sai phạm			Trong năm 2019				Sự nghiệp p môi trường ngân sách huyện
3	Đầu tư xây dựng lò đốt rác, làm phân hữu cơ trên địa bàn thị trấn Di Lăng		Xử lý rác thải công nghệ cao, tái chế rác thải phục vụ cho nông nghiệp tạo môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn về môi trường	Đầu tư xây dựng nhà máy xử lý rác, phân loại làm phân hữu cơ			Trong năm 2019			2.500,00	Sự nghiệp p môi trường tỉnh
4	Chi cho công tác thu gom, vận chuyển xử lý rác thải trên địa bàn huyện		Xử lý rác thải sinh hoạt, rác thải trong nông nghiệp tạo cảnh quan môi trường xanh - sạch -	- Thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải; - Hỗ trợ các đơn vị, xã, thị trấn trong các công tác xử lý rác thải - Mua sắm trang thiết bị phục vụ công tác;			Trong năm 2019			800,00	Sự nghiệp p môi trường tỉnh và huyện

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Cơ sở pháp lý	Mục tiêu	Nội dung thực hiện	Dự kiến sản phẩm	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí (đồng)	Lũy kế đến hết năm 2018	Kinh phí năm 2019 (đồng)	Ghi chú
			đẹp.								
5	Hỗ trợ công tác nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo vệ môi trường		Nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo vệ môi trường	<ul style="list-style-type: none"> - Hỗ trợ công tác nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo vệ môi trường bằng tiếng Hre, triển khai Luật Bảo vệ môi trường; - Làm pano môi trường; - Hoạt động hưởng ứng Tết trồng cây; Tuần lễ Biển và Hải đảo; Giờ Trái đất; Ngày môi trường Thế giới (5/6); Ngày đa dạng sinh học (22/5); Ngày Đại dương thế giới; Chiến dịch làm cho thế giới sạch hơn (22/9). 			Trong năm 2019			100,00	Sự nghiệp p môi trường ngân sách huyện
6	Xây dựng lò đốt rác tại cụm Hải - Thủy - Kỳ - Ba		Xử lý rác thải công nghệ cao, bảo đảm về môi trường tạo môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn về môi trường	<ul style="list-style-type: none"> - Đầu tư xây dựng; - Vận hành thu gom, xử lý rác thải; 			Trong năm 2019			2.000,00	Kinh phí sự nghiệp p môi trường tỉnh
7	Trang bị máy móc thiết bị phục vụ test nhanh các chỉ tiêu môi trường			<ul style="list-style-type: none"> - Mua sắm trang thiết bị phục vụ công tác quản lý môi trường 			Trong năm 2019			100,00	Sự nghiệp p môi trường

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Cơ sở pháp lý	Mục tiêu	Nội dung thực hiện	Dự kiến sản phẩm	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí (đồng)	Lũy kế đến hết năm 2018	Kinh phí năm 2019 (đồng)	Ghi chú
											huyện
8	Điều tra, khảo sát các danh mục chỉ tiêu báo cáo về công tác môi trường trên địa bàn huyện, Báo cáo công tác bảo vệ môi trường cho HĐND cùng cấp và UBND tỉnh		Điều tra, khảo sát đánh giá được các chỉ tiêu về công tác bảo vệ môi trường	Triển khai theo Thông tư số 19/2016/TT-BTNMT ngày 24/8/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường			Trong năm 2019			150,00	Sự nghiệp p môi trường tỉnh và huyện
9	Xử lý môi trường chăn nuôi tại các trang trại và hộ gia đình cá nhân						Thường xuyên			100,00	Sự nghiệp p môi trường huyện
10	Mua xe ép rác		Đảm bảo đầy đủ phương tiện phục vụ công tác xử lý rác thải trên địa bàn huyện				Năm 2019			2.500,00	Kinh phí sự nghiệp p môi trường tỉnh
11	Hệ thống rác thải ở khu dân cư Cà Tu, thị trấn Di Lăng			- Đầu tư, xây dựng			Năm 2019			300,00	Ngân sách tỉnh + huyện
20	Huyện Tây Trà							2.590,00		2.590,00	
1	Hỗ trợ chi trả lương cho Đội phụ trách VSMT thu gom rác thải khu vực Trung tâm huyện và 4 xã lân cận.		Xử lý rác thải	Thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải		Phòng TN-MT	2019			300,00	

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Cơ sở pháp lý	Mục tiêu	Nội dung thực hiện	Dự kiến sản phẩm	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí (đồng)	Lũy kế đến hết năm 2018	Kinh phí năm 2019 (đồng)	Ghi chú
2	Hỗ trợ vận hành phương tiện thu gom, vận chuyển rác thải		Vận hành phương tiện thu gom, vận chuyển rác thải	Trả tiền HDLX, xăng dầu, bảo hành sửa chữa, bảo hiểm xe.		Phòng TN-MT	2019			250,00	
3	Tuyên truyền, giáo dục pháp luật về môi trường		Tuyên truyền	Mít tinh, diễu hành, tuyên truyền Ngày Môi trường Thế giới, Ngày Đa dạng sinh học, Chiến dịch làm cho Thế giới sạch hơn...		Phòng TN-MT	2019			100,00	
4	Hỗ trợ xử lý chất thải, làm vệ sinh môi trường, nạo vét mương thoát nước tại khu vực Trung tâm huyện và các xã.		Kiểm sát, giám thiêu ô nhiễm môi trường	Thu dọn rác thải, xác súc vật chết, nạo vét mương thoát nước		Phòng TN-MT	2019			500,00	
5	Xử lý rác thải tại hố rác tập trung của huyện		Kiểm soát, giám thiêu ONMT	Xử lý, chôn lấp rác thải		Phòng TN-MT	2019			100,00	
6	Mua phương tiện thu gom, vận chuyển chất thải		Vận chuyển rác thải	Mua xe ép rác		Phòng TN-MT	2019			1.100,00	
7	Thanh tra, kiểm tra các hoạt động vi phạm pháp luật về môi trường.		Phòng ngừa, chống các hành vi vi phạm pháp luật về môi trường	Kiểm tra, xử lý tình trạng khai thác vàng trái phép và các hành vi vi phạm pháp luật về môi trường trên địa bàn huyện.		Phòng TNMT-Công an huyện	2019			50,00	
8	Hỗ trợ chi trả lương cho hợp đồng làm công tác môi trường			Trả lương hợp đồng		Phòng TN-MT	2019			90,00	
9	Mua thùng rác cung cấp cho 4 xã		Thu gom, xử lý rác thải			Phòng TN&MT	2019			100,00	

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Cơ sở pháp lý	Mục tiêu	Nội dung thực hiện	Dự kiến sản phẩm	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí (đồng)	Lũy kế đến hết năm 2018	Kinh phí năm 2019 (đồng)	Ghi chú
Huyện Ba Tơ											
I	Nhiệm vụ bảo vệ thường xuyên							3.630,00		3.630,00	
1	Tuyên truyền về công tác bảo vệ môi trường, tổ chức các động hưởng Ngày Môi trường thế giới 05/6, Đa dạng sinh học, Chiến dịch làm cho thế giới sạch hơn năm 2019...	Thông tư 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017	Nâng cao hiểu biết về pháp luật đối với công tác BVMT	Tập huấn, phổ biến công tác chuyên môn nghiệp vụ về BVMT cho cán bộ cấp xã và công tác BVMT cho toàn thể nhân dân trong huyện, băng rô, khẩu hiệu pa nô, áp phích về BVMT	Nâng cao năng lực, nhận thức về BVMT	Phòng TN & MT, các xã thị trấn	Năm 2019	300,00		300,00	
2	Xác nhận kế hoạch Bảo vệ môi trường	Thông tư 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017	Phòng ngừa, kiểm soát các tác động của dự án đến môi trường	Mua văn phòng phẩm, kiểm tra trước khi xác nhận	Kế hoạch BVMT đã đăng ký	Phòng TN&MT	Năm 2019	20,00		20,00	
3	Hỗ trợ thu gom và xử lý rác khu vực nông thôn	Thông tư 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017	Thu gom và xử lý rác 19 xã	Thu gom và xử lý rác thải tại 19 xã	Chất thải sinh hoạt được thu gom và xử lý	19 xã	Năm 2019	900,00		900,00	
4	Chi phí thu gom, vận chuyển rác tại đô thị		Rác thải thu gom, phân loại và xử lý	Vận chuyển rác thải từ các tuyến đường, khu dân cư, chợ... về bãi xử lý rác; mua thùng rác	Rác thải được thu gom và vận chuyển về bãi rác	Đội quản lý ĐT & CCTCC huyện	Năm 2019	360,00		360,00	
5	Chi phí cho việc xử lý rác thải		Rác thải được xử lý theo quy trình	Phân loại, xử lý tại lò đốt	Rác thải được phân loại và xử lý	Đội quản lý ĐT & CCTCC huyện	Năm 2019	500,00		500,00	

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Cơ sở pháp lý	Mục tiêu	Nội dung thực hiện	Dự kiến sản phẩm	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí (đồng)	Lũy kế đến hết năm 2018	Kinh phí năm 2019 (đồng)	Ghi chú
6	Mua dụng cụ thu gom		Hạn chế việc người dân đổ bỏ, rác không đúng nơi quy định	Mua thùng rác	Thùng rác loại 240 l	Đội quản lý ĐT & CCTCC huyện	Năm 2019	100,00		100,00	
7	Mua xe chuyên dùng		Hạn chế rơi vãi rác thải ra đường	Mua xe chuyên dùng	Xe cuốn ép rác	Đội quản lý ĐT & CCTCC huyện	Năm 2019	1.300,00		1.300,00	
5	Hướng dẫn và triển khai mô hình phân loại thu gom rác tại hộ gia đình	Thông tư 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017	Hạn chế ô nhiễm môi trường do rác thải	Lựa chọn khu dân cư để triển khai thí điểm	Rác thải sinh hoạt được hu gom, xử lý	Phòng TN & MT	Năm 2019	150,00		150,00	
29 Tổng cộng								1.750,00		1.750,00	
	Thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải trên địa bàn huyện									9.617,81	
	Tuyên truyền, kiểm tra công tác BVMT									143,90	
28 Thành phố Quảng Ngãi								36.150,00		36.150,00	
A	NHIỆM VỤ CHUYÊN MÔN										
I	Nhiệm vụ chuyên tiếp										
1	Tuyên truyền, nâng cao nhận thức cộng đồng và nâng cao năng lực quản lý về bảo tồn đa dạng sinh học, an toàn sinh học		- Nâng cao nhận thức của cộng đồng dân cư đặc biệt là dân cư đang sinh sống gần các	Thực hiện các chương trình truyền thông, các lớp tập huấn, đào tạo; các tài liệu, tờ rơi...	- Các chương trình truyền thông phù hợp từng đối tượng;	Phòng Tài nguyên và Môi trường; UBND các xã, phường	2019	300,00		300,00	

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Cơ sở pháp lý	Mục tiêu	Nội dung thực hiện	Dự kiến sản phẩm	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí (đồng)	Lũy kế đến hết năm 2018	Kinh phí năm 2019 (đồng)	Ghi chú
			khu bảo tồn đa dạng sinh học; - Nâng cao kỹ năng và kinh nghiệm quản lý các cán bộ chuyên môn trong lĩnh vực đa dạng sinh học.		- Các lớp tập huấn, đào tạo cán bộ quản lý; - Các tài liệu, tờ rơi hướng dẫn cộng đồng...	g					
II	Nhiệm vụ mở mới										
1	Bảo vệ môi trường du lịch bền vững		Môi trường du lịch được đầu tư phát triển bền vững	Tuyên truyền nâng cao nhận thức về công tác BVMT cho các cơ sở KD,DV DL, thanh, kiểm tra.	Môi trường du lịch được bảo vệ và phát triển bền vững	Phòng TN&MT phối hợp với phòng VH, TH&DL	2019	100,00		100,00	
2	Báo cáo giám sát môi trường tại các cụm công nghiệp trên địa bàn thành phố theo quy định		Báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2019	Điều tra, thu thập số liệu, quan trắc; tổng hợp báo cáo theo quy định của Bộ TNMT	Báo cáo	Ban QL cụm công nghiệp TP		150,00		150,00	
C	Nhiệm vụ thường xuyên										
1	Chương trình quan trắc môi trường năm 2019		Theo dõi, Giám sát môi trường	Lấy mẫu, phân tích các thành phần môi trường 02 đợt	Báo cáo kết quả quan trắc môi trường năm 2019	Phòng Tài nguyên và môi trường	2019	350,00		350,00	

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Cơ sở pháp lý	Mục tiêu	Nội dung thực hiện	Dự kiến sản phẩm	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí (đồng)	Lũy kế đến hết năm 2018	Kinh phí năm 2019 (đồng)	Ghi chú
2	Công tác thanh tra, kiểm tra thực hiện pháp luật về BVMT		Kịp thời phát hiện các sai phạm	Thanh tra, kiểm tra các đơn vị sản xuất kinh doanh, dịch vụ	30 đơn vị	Phòng Tài nguyên và môi trường; Công an thành phố	2019	100,00		100,00	
3	Công tác thẩm định, phê duyệt báo cáo ĐTM, đề án bảo vệ môi trường và dự án cải tạo PHMT		Các dự án	Thẩm định và phê duyệt	50 dự án	Phòng Tài nguyên và môi trường	2019	100,00		100,00	
4	Hỗ trợ công tác BVMT cho các tổ chức, chính trị, xã hội và đoàn thể trên địa bàn thành phố		Xã hội hoá công tác BVMT	Hỗ trợ kinh phí cho 03 đơn vị đã ký nghị quyết liên tịch	- Các mô hình BVMT	Phòng Tài nguyên và môi trường; Hội Nông dân, LHPN TP; Thành Đoàn; UBMTT TQVN TP	2019	200,00		200,00	
					- Nâng cao nhận thức						

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Cơ sở pháp lý	Mục tiêu	Nội dung thực hiện	Dự kiến sản phẩm	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí (đồng)	Lũy kế đến hết năm 2018	Kinh phí năm 2019 (đồng)	Ghi chú
					cộng đồng						
5	Duy tu, nạo vét bùn hồ ga cống thoát nước trên địa bàn thành phố		Đảm bảo tiêu thoát nước mưa, nước thải chống ô nhiễm môi trường, úng ngập		Khơi thông dòng chảy kênh mương	Phòng Quản lý đô thị thành phố	2019	500,00		500,00	
6	Thu gom xử lý CTNH y tế		Quản lý CTNH y tế theo đúng quy định	Thu gom, xử lý CTNH	Lượng rác thải y tế được thu gom, xử lý	Trung tâm Y tế dự phòng thành phố	2019	200,00		200,00	
7	Công tác đột xuất do thiên tai, sự cố môi trường và các công tác khác về bảo vệ môi trường		Đảm bảo vệ sinh môi trường sau lũ	Hỗ trợ kinh phí cho các xã/phường khắc phục ô nhiễm sau lũ	Khắc phục ô nhiễm môi trường sau lũ, lụt	Phòng Tài nguyên và MT; Các xã, phường	2019	500,00		500,00	
8	Thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn TP		Đảm bảo vệ sinh môi trường	Thu gom, vận chuyển rác		Công ty CP Môi trường đô thị Quảng Ngãi làm dịch vụ	2019	60.000,00		60.000,00	
D	HỖ TRỢ XỬ LÝ Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG NGHIÊM TRỌNG										

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Cơ sở pháp lý	Mục tiêu	Nội dung thực hiện	Dự kiến sản phẩm	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí (đồng)	Lũy kế đến hết năm 2018	Kinh phí năm 2019 (đồng)	Ghi chú
I	Nhiệm vụ chuyên tiếp										
1	Xử lý, cải tạo, phục hồi môi trường điểm ô nhiễm hồ điều hòa Nghĩa Chánh, Bàu Cả		Giảm thiểu ô nhiễm môi trường triệt để	Thực hiện các biện pháp xử lý	Báo cáo kết quả hoàn thành việc xử lý	Phòng Tài nguyên và Môi trường	2019	5.000,00		5.000,00	
2	Xây dựng hệ thống xử lý nước thải tại Cụm công nghiệp làng nghề Tịnh Ấn Tây		Hệ thống xử lý nước thải đảm bảo tiêu chuẩn, quy chuẩn về môi trường hiện hành	Xây dựng trạm xử lý nước thải	Nước thải được xử lý đảm bảo quy định	Ban Quản lý Dự án đầu tư Xây dựng TP	2019	15.000,00		15.000,00	Thông báo số 90/T B-UBND D ngày 04/5/2016 của UBND tỉnh
3	Thực hiện quản lý môi trường tại 23 xã, phường			Hỗ trợ xử lý ô nhiễm môi trường tại 23 xã/phường		UBND các xã, phường	2019	2.300,00		2.300,00	
II	Nhiệm vụ mở mới										
1	Hợp đồng lao động tham mưu UBND TP quản lý môi trường		Thực hiện quản lý nhà nước về công tác bảo vệ môi trường tại	Theo Quyết định số 15/2018/QĐ-UBND ngày 05/6/2018 của UBND tỉnh quy định về mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường		Phòng TNMT TP và UBND các	2019	1.200,00		1.200,00	

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Cơ sở pháp lý	Mục tiêu	Nội dung thực hiện	Dự kiến sản phẩm	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí (đồng)	Lũy kế đến hết năm 2018	Kinh phí năm 2019 (đồng)	Ghi chú
			Cơ quan chuyên môn và UBND các xã, phường	trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi		xã, phường					
2	Thực hiện mô hình phân loại rác tại nguồn; nhằm hạn chế và thu gom chất thải nhựa		Giám chất thải nhựa	Thí điểm mô hình phân loại rác tại nguồn	Thu gom chất thải nhựa	Phòng TNMT TP	2019	100,00		100,00	
3	Thu gom khối lượng rác thải, phế thải xây dựng trên địa bàn thành phố		Đảm bảo vệ sinh môi trường đô thị	Thu gom rác thải trên địa bàn thành phố	Khối lượng rác thải sinh hoạt được thu gom và xử lý	Các xã/phường	2019	50,00		50,00	